

 Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ.

 (0292) 3841 289

 [www.caseamex.com](http://www.caseamex.com)

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022



## TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI



### **Tầm nhìn**

Chúng tôi mong muốn trở thành nhà cung cấp thủy sản Việt Nam hướng đến thị trường toàn cầu, là đối tác lâu dài được khách hàng ưa thích và là đơn vị đóng góp có trách nhiệm cho phát triển bền vững của ngành nuôi trồng thủy sản.

### **Sứ mệnh**

- Mang đến cho khách hàng những sản phẩm an toàn đạt chất lượng cao được sản xuất trong quy trình khép kín và tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc tế.
- Mở rộng thị trường, góp phần làm đẹp hơn hình ảnh của ngành thủy sản Việt Nam trên thị trường thế giới.
- Mở rộng hoạt động sản xuất, qua đó tăng cường lợi nhuận nhằm đảm bảo phát triển và nâng cao chất lượng đời sống cho các cán bộ CNV và người lao động.

### **Giá trị cốt lõi**

- **Chất lượng:** Chúng tôi cố gắng nâng cao chất lượng cho toàn bộ quy trình
- **Tập trung vào khách hàng:** Chúng tôi cung cấp chất lượng tốt nhất với dịch vụ khách hàng xuất sắc
- **Minh bạch:** Chúng tôi luôn minh bạch trong mọi hoạt động của công ty
- **Mở rộng hoạt động sản xuất,** qua đó tăng cường lợi nhuận nhằm đảm bảo phát triển và nâng cao chất lượng đời sống cho các cán bộ CNV và người lao động.





# MỤC LỤC

## 01

### GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

- 09 Thông tin khái quát
- 15 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 17 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 19 Định hướng phát triển
- 21 Các rủi ro

## 02

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 27 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 29 Tổ chức và nhân sự
- 34 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 35 Tình hình tài chính
- 39 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 41 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

## 03

### BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 45 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 49 Tình hình tài chính
- 52 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 53 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 54 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

## 04

### ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 57 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 58 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 58 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## 05

### QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 61 Hội đồng quản trị
- 63 Ban Kiểm soát
- 67 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

## 06

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 71 Ý kiến kiểm toán
- 73 Báo cáo tài chính được kiểm toán





CHƯƠNG

# 01


## GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

- 09 Thông tin khái quát
- 15 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 17 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 19 Định hướng phát triển
- 21 Các rủi ro



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ	Trụ sở chính	Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ.
Tên Tiếng Anh	CAN THO IMPORT EXPORT SEAFOOD JOINT STOCK COMPANY	Điện thoại	(0292) 3841 289
Tên viết tắt	CASEAMEX	Fax	(0292) 3841 116
Mã cổ phiếu	CCA	Website	www.caseamex.com
Vốn điều lệ	150.923.260.000 đồng	Logo	
Vốn chủ sở hữu	251.647.295.742 đồng		
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	1800632306, đăng ký lần đầu ngày 23/06/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22/10/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.		



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1998

Nhà Máy Chế Biến và Xuất Khẩu Cần Thơ (trực thuộc Công Ty Nông Sản, Xuất Nhập Khẩu CATACO) được thành lập, là tiền thân của Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Cần Thơ (CASEAMEX), là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu các sản phẩm thủy sản, đặc biệt là cá tra ra thị trường quốc tế.

2006

Ngày 01/07/2006, theo chủ trương của Chính phủ về đổi mới doanh nghiệp nhà nước, CASEAMEX được tách ra từ CATACO và chuyển đổi sang công ty cổ phần với vốn điều lệ ban đầu là 28 tỷ đồng. Công ty được cổ phần hóa với tên gọi: Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Cần Thơ (CASEAMEX), có trụ sở tại Khu công nghiệp Trà Nóc, Thành phố Cần Thơ - là trung tâm kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long. CASEAMEX đã xuất khẩu sang hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ, đặc biệt là sản phẩm đã có mặt trên kệ hàng của những chuỗi siêu thị lớn nhất Bắc Mỹ, EU. Thị trường chính của CASEAMEX nhắm đến bao gồm: Mỹ, EU, Canada, Úc, Châu Á, Trung Quốc, Brazil, Mexico và các nước Trung Đông.

2008

Cùng với sự phát triển của sản phẩm cá tra và cá basa trên thị trường thế giới kết hợp với kinh nghiệm và tầm nhìn chiến lược của Ban lãnh đạo, CASEAMEX không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng quản lý và quy mô xuất khẩu. Để hỗ trợ cho việc chủ động nguồn nguyên liệu trong quá trình sản xuất và nâng cao năng lực sản xuất, ngày 14/02/2008, Công ty đã đầu tư Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản với tổng diện tích trên 15ha tại ấp Mái Dầm, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long và liên kết đầu tư vùng nuôi nguyên liệu khoảng 150 ha tại Cần Thơ, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Hậu Giang,... có khả năng tự cung tự cấp trên 80% sản lượng nguyên liệu cho nhu cầu sản xuất của nhà máy.

Tháng 03/2008, Công ty thành lập Nhà máy Chế biến Cafish tại Lô 4, Khu công nghiệp Trà Nóc I chuyên sản xuất chế biến các sản phẩm từ tôm và các mặt hàng thủy hải sản khác.

2015

Công ty chuyển nhượng toàn bộ phần góp vốn (Công ty con) chiếm 51% vốn điều lệ tại Cafish. Sau khi chuyển nhượng, Cafish không còn là Công ty con của CASEAMEX.

2019

Ngày 26/12/2019, Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Cần Thơ (CASEAMEX) chính thức được giao dịch trên sàn UpCOM.

2019  
- nay

Sau nhiều năm hoạt động độc lập, công ty đã trở thành 01 trong 10 doanh nghiệp mạnh của Việt Nam về xuất khẩu cá tra trên thị trường EU và thị trường Mỹ với chất lượng sản phẩm đáp ứng được các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm của các nhà nhập khẩu cũng như thị hiếu tiêu dùng của thị trường quốc tế.

Mặt hàng chủ lực của CASEAMEX là chế biến cá tra, cá basa đông lạnh, tôm sú, tôm càng HOSO/HLSO, PD, CPTO và PUD, cùng một số sản phẩm từ các loại thủy sản khác như đùi ếch, bạch tuộc, mực, lươn.

Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800632306 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22/10/2020 với vốn điều lệ đăng ký là 150.923.260.000 đồng.





# THÔNG TIN KHÁI QUÁT

## CÁC THÀNH TỰU CỦA CÔNG TY



Trong hơn 30 năm tồn tại và phát triển, CASEAMEX hiểu rằng an toàn thực phẩm vừa là xu hướng toàn cầu vừa là yêu cầu sống còn của bất kỳ công ty hoạt động kinh doanh trong ngành thực phẩm.

Lấy thị trường toàn cầu làm mục tiêu chiến lược, chúng tôi luôn tập trung cải tiến liên tục và nhanh chóng hệ thống quản lý chất lượng nhằm đáp ứng toàn diện tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và đáp ứng nhu cầu của khách hàng về sản phẩm an toàn, chất lượng cao.

Hiện tại, chúng tôi đã đạt được các giấy chứng nhận quốc tế và sẽ tiếp tục duy trì các giấy chứng nhận này trong suốt quá trình sản xuất kinh doanh (từ con giống, ao nuôi đến chế biến).



### AQUACULTURE STEWARDSHIP COUNCIL (ASC)

ASC được viết tắt là Hội Đồng Quản Lý Nuôi Trồng Thủy Sản (Aquaculture Stewardship Council), là một tổ chức độc lập phi lợi nhuận và tổ chức ghi nhận thiết lập quy trình cho thủy sản nuôi mà vẫn đảm bảo tính bền vững của ngành nuôi trồng thủy sản.

ASC cung cấp cho nhà sản xuất chương trình chứng nhận và dán nhãn nghiêm ngặt nhằm cam kết cung cấp cho khách hàng những sản phẩm thủy sản đáp ứng được khía cạnh bền vững đối với môi trường và tính trách nhiệm đối với xã hội.



### BRITISH RETAIL CONSORTIUM (BRC)

BRC là tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm, một tiêu chuẩn được đánh giá bởi GFSI do Hiệp hội bán lẻ Anh quốc (British Retail Consortium-BRC) giới thiệu lần đầu tiên vào năm 1998. Ngày nay, Tiêu chuẩn Toàn cầu BRC là tổ chức hàng đầu trong việc bảo vệ thương hiệu và người tiêu dùng, được sử dụng bởi hơn 26.000 nhà cung cấp tại 130 quốc gia, các chứng nhận được đánh giá và cấp phép thông qua mạng lưới toàn cầu của các tổ chức chứng nhận.

Tiêu chuẩn chứng nhận toàn cầu BRC đảm bảo tiêu chuẩn hóa các tiêu chí chất lượng, an toàn và hoạt động, đồng thời đảm bảo rằng các nhà sản xuất thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý và cung cấp sự bảo vệ cho người tiêu dùng cuối cùng.



### BEST AQUACULTURE PRACTICES (BAP)

Tiêu chuẩn thực hành nuôi tốt (BAP) được phát triển bởi Liên minh nuôi trồng thủy sản toàn cầu (Global Aquaculture Alliance - GAA), và được quản lý bởi Hội đồng chứng nhận nuôi trồng thủy sản (ACC). Chứng nhận BAP đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, truy xuất nguồn gốc, phúc lợi động vật và trách nhiệm xã hội.



### HAZARD ANALYSIS AND CRITICAL CONTROL POINTS

Phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn - HACCP là những nguyên tắc được sử dụng trong việc thiết lập hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, trong đó an toàn thực phẩm được giải quyết thông qua việc phân tích và kiểm soát các mối nguy sinh học, hóa học và vật lý từ sản xuất, thu mua và xử lý nguyên liệu thô đến sản xuất, phân phối và tiêu thụ thành phẩm.



### HALAL CERTIFICATION

Chứng nhận HALAL là một quá trình chứng nhận đảm bảo các tính năng và chất lượng của sản phẩm tuân thủ các quy tắc được thiết lập bởi Hội đồng Hồi giáo cho phép sử dụng nhãn hiệu Halal.

Với Chứng nhận Halal, các sản phẩm được phép sử dụng theo luật Hồi giáo. Các sản phẩm do đó người Hồi giáo có thể ăn được, uống được hoặc sử dụng được.



Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS) là một tiêu chuẩn thực phẩm phổ biến với hệ thống đánh giá đồng nhất sử dụng để đủ điều kiện và lựa chọn nhà cung cấp. Nó giúp các nhà bán lẻ đảm bảo an toàn thực phẩm và giám sát mức độ chất lượng của các nhà sản xuất của các sản phẩm thực phẩm mang nhãn hiệu của nhà bán lẻ.



### SA8000

Tiêu chuẩn SA8000 là chương trình chứng nhận xã hội hàng đầu thế giới. Nó cung cấp một khuôn khổ tổng thể cho phép các tổ chức thuộc mọi loại hình, trong bất kỳ ngành nào và ở bất kỳ quốc gia nào thể hiện sự cống hiến của họ đối với việc đối xử công bằng với người lao động.





# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- » Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.
- » Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt.
- » Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn. Chế biến và bảo quản rau quả. Nuôi trồng thủy sản nội địa, thủy sản biển. Sản xuất giống thủy sản. Chăn nuôi gia cầm, chăn nuôi lợn, chăn nuôi trâu, bò. Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản. Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật.
- » Mua bán thức ăn và nguồn liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản, bột cá, dầu cá, mỡ cá và các mặt hàng nông, lâm sản nguyên liệu, động vật sống khác.
- » Mua bán thủy sản tươi, đông lạnh, qua chế biến và các mặt hàng thực phẩm khác.
- » Mua bán phế liệu, phế phẩm ngành thủy sản.
- » Hoạt động tư vấn kỹ thuật về nuôi trồng thủy sản. Hoạt động môi giới thương mại.
- » Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa. Vận tải hàng hóa bằng ô tô tải thông thường, xe chuyên dụng, xe container. Cho thuê xe có động cơ.
- » Cho thuê kho lạnh, bảo quản nông, thủy hải sản, thực phẩm.
- » Sản xuất bột cá, dầu cá, mỡ cá từ phế liệu, phế phẩm ngành thủy sản.
- » Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà, văn phòng, mặt bằng, bến bãi, nhà xưởng, nhà kho.
- » Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- » Xuất nhập khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy hải sản, lương thực, thực phẩm, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản, bột cá, dầu cá, mỡ cá.
- » Kinh doanh vật tư, thiết bị, công cụ phục vụ ngành chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.



## ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Lĩnh vực liên quan đến thủy sản là lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty. Công ty thực hiện cung cấp dịch vụ đến tất cả các khách hàng trên địa bàn Thành phố Cần Thơ nói chung và các tỉnh khác trong nước. Đồng thời còn xuất khẩu mở rộng thị trường (Châu Âu, Châu Mỹ, Trung Đông,...). Với mục tiêu phát triển toàn diện, CASEAMEX đang nỗ lực không ngừng đảm bảo giữ vững thị phần tại Thành phố Cần Thơ cũng như mở rộng địa bàn kinh doanh sang các quốc gia khác.

## SẢN PHẨM CHÍNH



Trong nhiều năm liền, Công ty luôn được công nhận là một trong 10 doanh nghiệp lớn của Việt Nam về xuất khẩu thủy sản chế biến đông lạnh với mặt hàng chủ lực là cá tra.



# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần bao gồm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

**Đại hội đồng cổ đông:** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty;

**Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty;

**Tổng Giám đốc:** Tổng Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

**Ban kiểm soát:** Thực hiện chức năng giám sát, đánh giá các hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty để báo cáo cho ĐHĐCĐ và điều hành của Công ty;

**Các phòng ban liên quan:** Hỗ trợ công việc cho Tổng Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh.

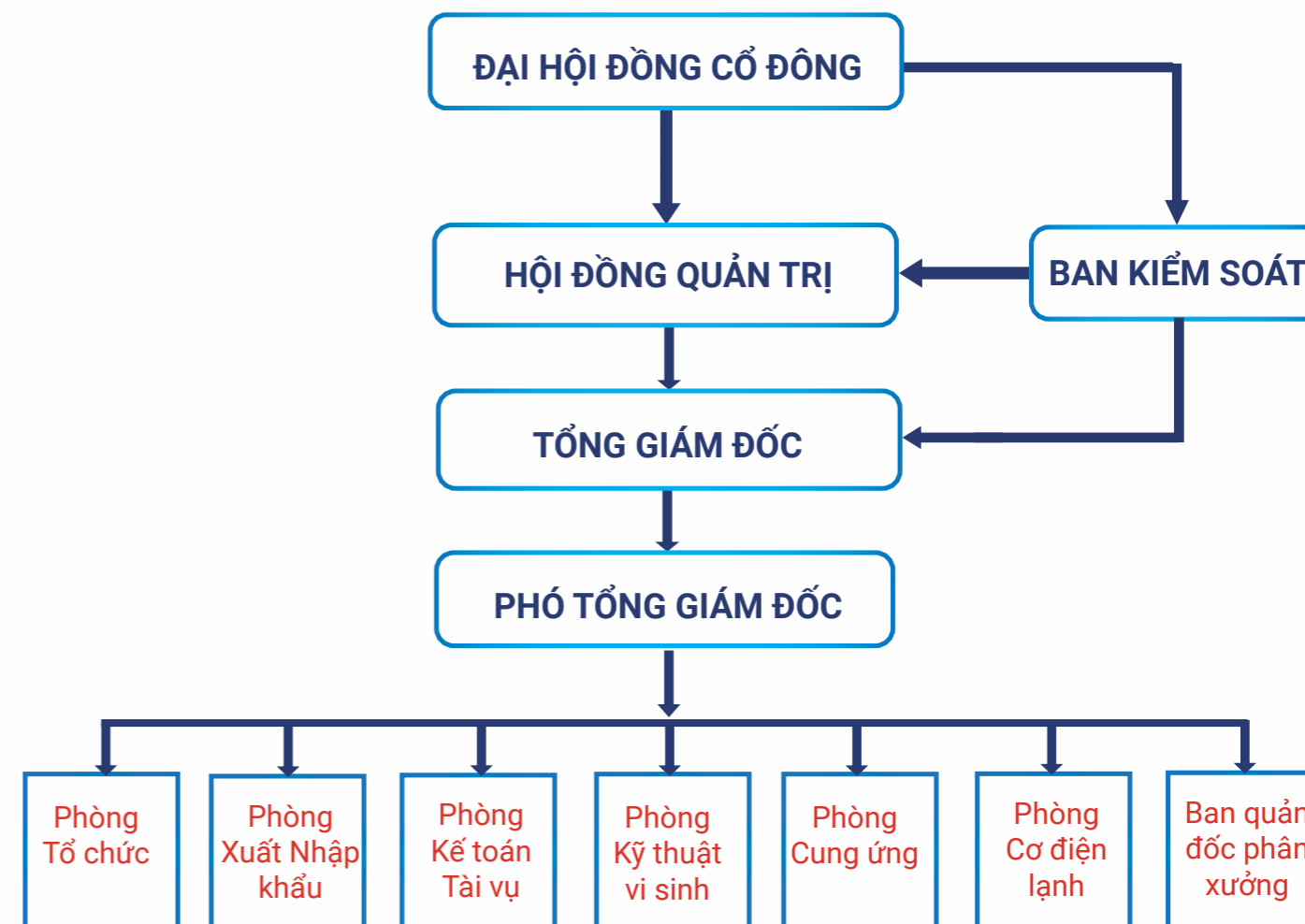
Hiện nay, Công ty có 07 phòng ban chức năng gồm: Phòng Tổ chức, Phòng Xuất nhập khẩu, Phòng Kế toán tài vụ, Phòng Kỹ thuật vi sinh, Phòng cung ứng, Phòng Cơ điện lạnh và Ban Quản đốc phân xưởng. Theo đó, các phòng ban chức năng của Công ty có trách nhiệm:

Trực tiếp thực hiện các nghiệp vụ chuyên môn theo chịu sự chỉ đạo của các Trưởng Phòng ban và Ban Tổng Giám đốc.

Thực hiện công tác kinh doanh và hỗ trợ kinh doanh.

Thực hiện công tác quản lý và nhiệm vụ cụ thể của từng phòng ban theo quy chế hoạt động của Công ty.

Đáp ứng đầy đủ, kịp thời các nội dung công việc theo kế hoạch đề ra



**CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT** Công ty hiện không có công ty con, công ty liên kết.

## ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản	Tổ 7, ấp Mái Dầm, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ - chi nhánh Thủy sản Đại Ngãi	Thửa đất số 1234, tờ bản đồ số 4, cồn nổi số 2, xã Song Phụng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng



## CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

Duy trì mạng lưới khách hàng ổn định, đẩy mạnh nghiên cứu thị trường, thị hiếu của người tiêu dùng, các nhà nhập khẩu để ngày càng mở rộng quy mô hoạt động cả trong lẫn ngoài nước; Tăng cường xúc tiến thương mại với Mỹ và các nước khác trên thế giới để tìm thêm nhiều đối tác xuất khẩu, nâng cao thị phần và lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, mở rộng kho và nhà xưởng sản xuất để nâng cao năng suất hoạt động, đáp ứng nhu cầu ngày một gia tăng của người tiêu dùng.

Xây dựng chiến lược phù hợp, tận dụng triệt để tiềm lực của bản thân để từng bước hoàn thiện và phát triển chuỗi giá trị ngành cá.

Trên cơ sở các hệ thống quản lý chất lượng cho toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như: HACCP, BRC, IFS, HALAS ISO 9001:2000, SA8000, GLOBAL GAP, BAP, AFC, ASC,... không ngừng đổi mới quy trình, nâng cao năng suất hoạt động, cải thiện chất lượng sản phẩm để xây dựng thương hiệu CASEAMEX là một trong những Công ty xuất khẩu thủy sản hàng đầu Việt Nam.

## CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ luôn định hướng là một doanh nghiệp hài hòa lợi ích cho khách hàng, cổ đông và người lao động. Với mục tiêu này, công ty thường xuyên tổ chức và tham gia vào các hoạt động xã hội, đồng thời nỗ lực cải thiện chính sách lương bổng và phúc lợi để hỗ trợ cho cán bộ nhân viên. Đi đôi với hoạt động sản xuất, CASEAMEX cũng rất quan tâm đến bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên. Doanh nghiệp luôn đưa ra các chính sách và biện pháp phù hợp để đảm bảo cho phát triển kinh tế hài hòa với bảo vệ môi trường và duy trì môi trường sinh thái tự nhiên. Ngoài ra, Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ thuế đối với nhà nước và tích cực tham gia vào các hoạt động tự thiện để góp phần vào sự phát triển đời sống xã hội của địa phương.

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (CASEAMEX) đang ngày càng phát triển và khẳng định được vị thế của mình trên thị trường trong nước và quốc tế trong lĩnh vực thủy sản đông lạnh. Với sứ mệnh là một doanh nghiệp vừa đem lại giá trị thực cho xã hội, vừa tạo ra giá trị thặng dư, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông và người lao động, CASEAMEX vẫn đang xây dựng và từng bước hoàn thiện chiến lược tăng trưởng mang tính ổn định, đặt các kế hoạch sản xuất kinh doanh gắn chặt với nhu cầu của thị trường. Đồng thời, Công ty luôn đẩy mạnh đầu tư, cải tiến máy móc, thiết bị và quy trình hoạt động để giảm thiểu chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm và tạo ra lợi thế cạnh tranh với các doanh nghiệp trong ngành.

Bên cạnh việc tập trung vào chiến lược tăng trưởng ổn định, CASEAMEX còn có lợi thế về nguồn nguyên liệu đầu vào dồi dào. Đây là điều kiện thuận lợi để CASEAMEX tiếp tục nghiên cứu và phát triển nhiều sản phẩm mới, mang lại nguồn thực phẩm tươi sạch đến tay người tiêu dùng. CASEAMEX cũng sẵn sàng là ngọn cờ đầu trong việc tìm ra những điểm sáng tạo và cơ hội phát triển mới để thúc đẩy và mở rộng quy mô cung ứng sản phẩm thủy sản của tỉnh Cần Thơ nói riêng, đồng thời khẳng định vị thế của sản phẩm từ thủy sản Việt Nam trên thị trường toàn cầu nói chung.

Ngoài ra, để phát triển doanh nghiệp một cách toàn diện, CASEAMEX duy trì chiến lược xây dựng nền tảng vững chắc, liên kết các mắt xích trong chuỗi giá trị ngành, phát triển quy trình sản xuất khép kín để đảm bảo được chất lượng sản phẩm. Đặc biệt, Công ty không ngừng ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ mới vào trong hệ thống sản xuất. CASEAMEX cũng thực hiện việc rà soát, đánh giá mức độ hiệu quả của bộ máy quản lý, các chính sách đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực kỹ thuật cao để đáp ứng được các tiêu chuẩn trong nền kinh tế hội nhập.





## CÁC RỦI RO

Là một doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản, hoạt động sản xuất kinh doanh của CASEAMEX chịu tác động từ rất nhiều các yếu tố kinh tế vĩ mô như: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá,...

### RỦI RO TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Kinh tế - xã hội năm 2022 của Việt Nam diễn ra trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều biến động mạnh. Xung đột quân sự Nga - Ukraine làm cho giá lương thực và năng lượng tăng gây ra khó khăn và bất ổn trên diện rộng, không chỉ đe dọa đến tăng trưởng kinh tế, mà còn ảnh hưởng tới ổn định xã hội ở nhiều quốc gia. Tăng trưởng của Trung Quốc chậm lại rõ rệt, phản ánh tác động tiêu cực từ ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và cuộc xung đột quân sự, từ đó làm ảnh hưởng ảnh hưởng đến nhiều nền kinh tế khác. Các rủi ro liên quan đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, lương thực, đặc biệt là rủi ro suy thoái nền kinh tế toàn cầu đang ngày một hiện hữu.

Mặt khác, đối với tình hình kinh tế trong nước, nhờ vào đường lối chính sách và chiến lược linh hoạt từ Chính phủ, Việt Nam đã có một cú hích phục hồi kinh tế sau đại dịch với nhiều điểm sáng. Theo Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2022 của Việt Nam đạt 8,02%, mức cao nhất kể từ năm 2011. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa đạt 732,5 tỷ USD, tăng đến 9,5% so với năm 2021, trong đó xuất khẩu tăng 10,6%. Bức tranh kinh tế vĩ mô cũng được duy trì ổn định, lạm phát trong tầm kiểm soát, các chính sách tiền tệ được điều hành linh hoạt và hiệu quả.

Nhờ vào điều kiện kinh tế và môi trường kinh doanh ở Việt Nam khá ổn định và thuận lợi, các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam đã biến những thách thức thành cơ hội, tận dụng lợi thế của các hiệp định FTA cũng như nhu cầu của thị trường để đẩy mạnh xuất khẩu trong năm 2022. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), kim ngạch xuất khẩu lập kỷ lục 11 tỷ USD, tăng 23,5% so với năm 2021, trong đó xuất khẩu tôm lập kỷ lục 4,3 tỷ USD; cá tra đạt kỷ lục 2,5 tỷ USD.

Tuy nhiên, riêng quý IV/2022, xuất khẩu thủy sản có dấu hiệu sa sút, đặc biệt trong 2 tháng cuối cùng của năm 2022, lần đầu tiên đã rơi vào tình thế tăng trưởng âm. Theo đó, VASEP dự báo trong thời gian tới, các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản sẽ gặp phải nhiều khó khăn, do phụ thuộc vào tình hình diễn biến phức tạp của nền kinh tế thế giới, nhiều đơn hàng của doanh nghiệp bị hoãn đến cuối quý 1 năm sau. Chính vì vậy, Ban lãnh đạo CASEAMEX luôn thường xuyên theo dõi, đánh giá các diễn biến của nền kinh tế trong và ngoài nước, đưa ra các phương án xử lý, các chiến lược phát triển cụ thể, linh hoạt để hạn chế được các rủi ro có thể xảy ra.

### RỦI RO LÃI SUẤT

Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khi lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng bất lợi kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Trước tình hình lạm phát toàn cầu ở mức cao, Cục dự trữ liên bang Mỹ (FED) đã 07 lần tăng lãi suất. Sau FED, các NHTW của nhiều quốc gia cũng thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ khi tăng lãi suất nhanh với biên độ lớn.

Tại Việt Nam, NHNN đã thực hiện tăng liên tiếp 2 lần mức lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn. Sau việc điều chỉnh lãi suất điều hành của NHNN, mặt bằng lãi suất cho vay tại các ngân hàng đồng loạt gia tăng. Điều này làm ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng trong việc tiếp cận được nguồn vốn vay với lãi suất hấp dẫn. Trong quá trình hoạt động, CASEAMEX luôn có nhu cầu vay vốn ngắn hạn từ ngân hàng để tài trợ vốn lưu động phục vụ xuyên suốt quá trình sản xuất kinh doanh cũng như mua nguyên liệu hay vận hành vùng nuôi.

Ban điều hành Công ty luôn thận trọng, cân nhắc kỹ lưỡng trước khi ra quyết định sử dụng khoản vay từ Ngân hàng để kiểm soát, hạn chế rủi ro lãi suất. Đồng thời, Công ty luôn đưa ra các kế hoạch cẩn trọng để quản lý rủi ro này, bao gồm việc đánh giá, quản lý chi phí vốn và dự trù tài chính cho các khoản vay mới. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên theo dõi biến động lãi suất trên thị trường để có thể chủ động đưa ra những chiến lược kinh doanh, phương án phòng ngừa rủi ro phù hợp với nhu cầu vay thực tế và diễn biến chung của thị trường.



### RỦI RO TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI

Quá trình điều hành chính sách tiền tệ năm 2022 đã cho thấy tình trạng biến động trong tỷ giá hối đoái có ảnh hưởng to lớn lên toàn bộ nền kinh tế. Theo đó, các đợt tăng lãi suất liên tục của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã kích hoạt đợt tăng giá mạnh nhất của đồng USD trong nhiều năm qua, đưa chỉ số USD Index lên mức cao nhất trong 2 thập kỷ. Có thời điểm, đồng VND mất gần 9% so với đồng USD trong tháng 11/2022. Tính đến hiện tại, mặc dù tình hình tỷ giá đã tương đối hạ nhiệt, FED đã có tuyên bố về việc giảm tốc độ tăng lãi suất, tuy nhiên với những bất ổn trong tình hình kinh tế - chính trị thế giới, đặc biệt là giữa các nước lớn khiến cho rủi ro về tỷ giá hối đoái vẫn sẽ là một trong những vấn đề đáng quan tâm.

Trong định hướng điều hành chính sách tiền tệ, NHNN đã cam kết tiếp tục điều hành tỷ giá phù hợp với đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, bình ổn thị trường, tỷ giá góp phần thúc đẩy sản xuất kinh doanh và củng cố dự trữ ngoại hối nhà nước. Riêng đối với CASEAMEX, việc xuất khẩu là định hướng kinh doanh quan trọng của doanh nghiệp và doanh thu khi ghi nhận phải chuyển đổi từ ngoại tệ, nên việc phân tích các biến động trong tỷ giá, đặc biệt là các cặp tỷ giá USD/VND và JPY/VND là vô cùng quan trọng. Ban lãnh đạo doanh nghiệp đã dự tính, lên các kế hoạch phòng ngừa rủi ro tỷ giá thông qua các chính sách điều chỉnh các nguồn thu có yếu tố ngoại tệ, thay đổi cơ chế xuất khẩu và tín dụng thương mại,... để hạn chế rủi ro trên ở mức thấp nhất.

### RỦI RO LẠM PHÁT

Trong năm 2022, trước bối cảnh nền kinh tế Việt Nam đang trên đà phục hồi, cần nhiều nguyên, nhiên liệu cho hoạt động sản xuất, áp lực tăng giá xăng dầu và giá nguyên nhiên liệu là một trong những yếu tố tác động mạnh và trực tiếp làm gia tăng lạm phát. Việc lạm phát tăng kéo theo giá thành của sản phẩm cũng sẽ tăng lên khiến cho giá cả các sản phẩm thủy sản Việt Nam trở nên không cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Ngành thủy sản đang chịu tác động từ lạm phát tăng cao gây áp lực lên nhu cầu tiêu thụ thủy sản và làm giảm sức mua tại các thị trường xuất khẩu, nhất là những thị trường lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc, Anh... từ đó tác động tiêu cực đến doanh thu và lợi nhuận của các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản. Do đó, CASEAMEX luôn đưa ra các kế hoạch cẩn trọng để quản lý rủi ro này, bao gồm việc tìm kiếm nguồn cung ứng giá rẻ, tối ưu hóa quy trình sản xuất và vận chuyển, đồng thời tăng cường quản lý tài chính để giảm thiểu rủi ro và tăng cường sự cạnh tranh trên thị trường. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên cập nhật các thông tin về thị trường và tình hình kinh tế để đưa ra các quyết định kinh doanh linh hoạt và hiệu quả.

### RỦI RO PHÁP LUẬT

Là một công ty hoạt động trong ngành xuất khẩu dưới hình thức công ty cổ phần, CASEAMEX chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật Việt Nam và các văn bản dưới luật, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Tài nguyên môi trường,... Ngoài ra, với đặc thù là doanh nghiệp xuất khẩu chủ yếu vào các thị trường như Mỹ, EU, Canada, Úc, Châu Á và các nước Trung Đông...

Hoạt động kinh doanh của Công ty còn chịu sự ảnh hưởng của các chính sách luật và các quy định khác do Chính phủ của các quốc gia mà Công ty xuất khẩu ban hành. Các quy định chống bán phá giá, yêu cầu về kỹ thuật, truy xuất nguồn gốc tại các thị trường xuất khẩu chính ngày càng khắt khe khiến cho việc xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trở nên khó khăn hơn.

Với định hướng cải cách, Chính phủ mỗi quốc gia luôn không ngừng chủ trương điều chỉnh hệ thống pháp luật phù hợp từng giai đoạn kinh tế cụ thể đối với các văn bản luật. Do đó, Công ty luôn chủ động cập nhật liên tục và linh hoạt thích nghi đối với những quy định mới có liên quan, để đảm bảo hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được duy trì ổn định và phòng tránh các rủi ro về mặt pháp lý.



## CÁC RỦI RO

### RỦI RO NGUỒN NGUYÊN LIỆU

Đối với các doanh nghiệp trong lĩnh vực thủy sản, nguyên liệu đầu vào là yếu tố quan trọng nhất quyết định sản lượng, chất lượng của sản phẩm. Trong khi đó tại Việt Nam, việc khai thác thủy sản phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết.

Bên cạnh đó, từ nhiều năm nay, thủy sản Việt Nam luôn gặp phải tình trạng thiếu hụt nguyên liệu khai thác. Đồng thời, chất lượng nguồn nguyên liệu cũng chưa được đáp ứng tốt khiến cho việc xuất khẩu gặp nhiều khó khăn.

Để giải quyết các vấn đề này, CASEAMEX đã đầu tư vào vùng nuôi thủy sản, có khả năng tự cung cấp trên 80% yêu cầu lượng nguyên liệu đầu vào của các nhà máy. Ngoài ra, CASEAMEX cũng đưa ra nhiều biện pháp cải tạo, sàng lọc, mở rộng vùng thu mua nguyên liệu để duy trì tính ổn định, nâng cao chất lượng nguyên liệu đầu vào và hạn chế tổn thất từ rủi ro này.

### RỦI RO CẠNH TRANH

Bên cạnh việc cạnh tranh với các ông lớn trong nước, với đặc thù là một doanh nghiệp xuất khẩu, CASEAMEX còn phải chịu áp lực gay gắt từ các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản hàng đầu tại Trung Quốc, Na Uy, Thái Lan, Ấn Độ,... Các quốc gia khác có thể có kỹ thuật sản xuất tốt hơn, với sự đầu tư vào các công nghệ mới và hiện đại hơn, sản xuất ra mặt hàng thủy sản chi phí thấp và giá bán rẻ hơn như Ecuador hay Ấn Độ làm cho các doanh nghiệp thủy sản trong nước gặp khó khăn trong việc cạnh tranh về hiệu quả sản xuất.

Ngoài ra, Công ty có thể phải đối mặt với các sản phẩm từ các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới, điều này khiến cho các doanh nghiệp trong nước gặp khó khăn trong việc xây dựng thương hiệu và phát triển thị trường. Sự cạnh tranh gay gắt này vừa tạo ra nhiều khó khăn, thách thức lớn cho doanh nghiệp, cũng vừa là mục tiêu, nguồn động lực cho CASEAMEX thúc đẩy nâng cao năng suất, điều chỉnh chi phí sản xuất một cách tối ưu, nâng cao chất lượng sản phẩm.

Đồng thời, Công ty cũng tận dụng triệt để các tiềm năng về kinh tế, vị trí địa lý, nguồn tài nguyên để phấn đấu phát triển thêm nhiều sản phẩm mới hạn chế tối đa chi phí và duy trì được mức giá cạnh tranh hiệu quả.

### RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Các yếu tố về chất lượng nguồn nước, biến đổi khí hậu, lũ lụt, hạn hán, ngập mặn, ô nhiễm môi trường,... đều có thể gây ra khó khăn cho các doanh nghiệp kinh doanh và sản xuất thủy sản. Đặc biệt là trong giai đoạn công nghiệp hóa - hiện đại hóa, chất thải từ các nhà máy, xí nghiệp, các tai nạn tràn dầu trên biển, tình trạng phá rừng để xây dựng các đập thủy lợi khiến cho nguồn nước bị ảnh hưởng nghiêm trọng, tình hình xâm nhập mặn kéo dài.

Để đối phó với các vấn đề này, CASEAMEX đã triển khai các biện pháp như ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào xử lý nước thải, xây dựng hệ thống quan trắc để theo dõi nguồn nước, nuôi các loại vi sinh vật có lợi để cải tạo môi trường nước, đồng thời tăng cường năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ sự cố có thể xảy ra.

### RỦI RO KHÁC

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn,... Những rủi ro này mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng có thể tác động gián tiếp hoặc trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy Ban lãnh đạo phải thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, linh động trong việc điều chỉnh chính sách hoạt động, điều hành nhân công một cách tối ưu nhằm hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra của các rủi ro này.







# CHƯƠNG 02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 27 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 29 Tổ chức và nhân sự
- 34 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 35 Tình hình tài chính
- 39 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 41 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

### Cơ cấu doanh thu

ĐVT: Triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2021		Năm 2022		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
Doanh thu thuần bán thành phẩm	956.875	99,95%	1.324.855	99,97%	367.876	38,45%
Doanh thu của dịch vụ đã cung cấp	430	0,05%	410	0,03%	(20)	(4,65%)
<b>Tổng Cộng</b>	<b>957.305</b>	<b>100%</b>	<b>1.325.161</b>	<b>100%</b>	<b>367.856</b>	<b>38,43%</b>

Năm 2022, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của CASEAMEX đạt 1.325,2 tỷ đồng, trong đó, doanh thu từ hoạt động bán thành phẩm chiếm tỷ trọng lớn nhất đạt 1.324,9 tỷ đồng, chiếm hơn 99,97% doanh thu cả năm 2022. Đây là nguồn doanh thu đóng vai trò chủ lực và đem lại nguồn thu chính cho Công ty. Theo đó, doanh thu bán thành phẩm của CASEAMEX tăng 368 tỷ đồng, tương đương tăng 38,45% so với năm trước.

Mảng doanh thu cho thuê chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Trong năm 2022, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.



### Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	TH 2022/ KH 2022	TH 2022/ TH2021
Kim ngạch xuất khẩu	USD	34.128.127	55.000.000	44.559.886	81,02%	130,57%
Sản lượng sản xuất	Kg	11.058.935	15.000.000	15.300.229	102,00%	138,35%
Sản lượng tiêu thụ	Kg	12.820.665	15.000.000	13.348.523	88,99%	104,12%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	957.305	1.500.000	1.325.161	138,43%	88,34%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	22.223	36.000	56.893	256,01%	158,04%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	17.775	-	43.442	-	244,40%

Năm 2022 là một năm bứt phá của ngành thủy sản khi xuất khẩu đạt kim ngạch 11 tỷ USD, cao nhất sau 20 năm gia nhập thị trường quốc tế. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu mảng cá tra ước đạt khoảng 2,4 tỷ USD, tăng hơn 50% so với năm 2021. Kết quả trên là nhờ vào nhu cầu phục hồi mạnh mẽ sau giai đoạn 2020 - 2021 kinh tế các nước bị ảnh hưởng bởi dịch Covid - 19 và bối cảnh nguồn cung cá tra thắt chặt đã hỗ trợ giá cá tra duy trì ở mức cao. Nhu cầu tiêu thụ cá tra phục hồi mạnh mẽ, đặc biệt từ hai thị trường xuất khẩu trọng điểm là Mỹ và Trung Quốc. Kim ngạch xuất khẩu cá tra sang Mỹ tăng nhanh nhờ kênh tiêu thụ cá tra HORECA hoạt động trở lại giúp nhu cầu tiêu thụ tăng cao. Bên cạnh đó, mặc dù Trung Quốc vẫn duy trì chính sách Zero - Covid nhưng bối cảnh nguồn cung thủy sản nước này thiếu hụt do ngành thủy sản nội địa suy yếu bởi hệ quả của chính sách chống Covid đã khiến Trung Quốc tăng cường nhập khẩu thủy sản nhiều hơn. Bối cảnh trên mang đến cho CASEAMEX nhiều cơ hội phát triển HDSXK của Công ty.



Cụ thể, kim ngạch xuất khẩu của CASEAMEX năm 2022 đạt 44.559.886 (USD) hoàn thành 81,02% so với kế hoạch, tương đương mức tăng 30,57% so với năm 2021, sản lượng sản xuất năm 2022 đạt 15.300 tấn, xuất sắc hoàn thành 102,00% kế hoạch, tương đương mức tăng 38,35% so với năm 2021 và sản lượng tiêu thụ đạt 13.349 tấn, hoàn thành 88,99% so với kế hoạch, tương đương mức tăng 4,12% so với năm trước.

Tổng doanh thu của ghi nhận đạt 1.325,2 tỷ đồng tăng trưởng 38,43% so với năm 2021. Kết quả này cho thấy Công ty đã chủ động trong việc bảo đảm vùng nguyên liệu và sản xuất; thích ứng linh hoạt với thị trường cũng như xu hướng tiêu dùng, đồng thời hiện đại hóa quy trình sản xuất. Tuy nhiên, vào những tháng cuối năm 2022, kim ngạch xuất khẩu có dấu hiệu chững lại do giá cá tra liên tục tăng cao đã khiến sản phẩm này kém cạnh tranh trong bối cảnh lạm phát cao và nhu cầu tiêu dùng cá tra chậm lại. Điều này khiến doanh thu trong Quý 3 và Quý 4 năm 2022 của Công ty sụt giảm so với đầu năm dẫn đến việc chưa hoàn thành được kế hoạch đã đề ra, cụ thể, doanh thu đạt 88,34% kế hoạch đã đề ra. Mặt khác trong năm qua, với chính sách quản lý tốt chi phí, nguồn nguyên liệu đầu vào đảm bảo sản lượng sản xuất theo đúng kế hoạch đề ra, đáp ứng được nhu cầu của thị trường quốc tế, chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế của CASEAMEX vượt 158,04% hơn so với kế hoạch và tăng 156,01% so với năm 2021. Điều này thể hiện sự nỗ lực và đồng lòng của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên góp phần mang lại kết quả kinh doanh ổn định và khả quan cho Công ty.



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Võ Đông Đức	Tổng Giám đốc	5.445.023	36,08%
2	Nguyễn Chí Thảo	Phó Tổng Giám đốc	42.266	0,28%
3	Nguyễn Thanh Giang*	Phó Tổng Giám đốc	5.767	0,04%
4	Võ Thị Thúy Nga	Phó Tổng Giám đốc	154.534	1,02%
5	Lê Thành Được	Phó Tổng Giám đốc	17.163	0,11%
6	Nguyễn Trí Tùng	Phó Tổng Giám đốc	12.172	0,08%
7	Phan Hoàng Duy	Phó Tổng Giám đốc	7.911	0,05%
8	Nguyễn Khắc Chung	Kế toán trưởng	118.559	0,79%

Ghi chú: \*Ông Nguyễn Thanh Giang đã miễn nhiệm vào ngày 01 tháng 10 năm 2022

## LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

**ÔNG VÕ ĐÔNG ĐỨC**

Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 06/02/1959

Nơi sinh: Vĩnh Long

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế và kỹ sư chăn nuôi thú y

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

### Quá trình công tác:

Trước 07/2006	Giám đốc – Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ.
07/2006 – 26/06/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
26/06/2020 – nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

Số lượng cổ phần sở hữu: 5.445.023 cổ phần chiếm 36,08% VDL

**ÔNG NGUYỄN CHÍ THẢO**

Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 01/07/1968

Nơi sinh: Cà Mau

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

### Quá trình công tác:

Trước 07/2006	Trợ lý Giám đốc – Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ
07/2006 – 26/06/2020	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ.
26/06/2020 – nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

Số lượng cổ phần sở hữu: 42.266 cổ phần chiếm 0,28% VDL

**ÔNG NGUYỄN THANH GIANG**

Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 16/04/1960

Nơi sinh: Hậu Giang

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chăn nuôi thú y

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

### Quá trình công tác:

Trước 07/2006	Phó Quản đốc sản xuất – Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ.
07/2006 – 26/06/2020	Trưởng phòng Tổ chức nhân sự – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
26/06/2020 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

Số lượng cổ phần sở hữu: 5.767 cổ phần chiếm 0,04% VDL

**BÀ VÕ THỊ THÚY NGA**

Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 06/10/1965

Nơi sinh: Hậu Giang

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chăn nuôi thú y

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

### Quá trình công tác:

Trước 07/2006	Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ – Quản đốc sản xuất.
07/2006 – 01/2020	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Thành viên HĐQT kiêm Quản đốc nhà máy sản xuất.
01/2020 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Số lượng cổ phần sở hữu: 154.534 cổ phần chiếm 1,02% VDL

**ÔNG LÊ THÀNH ĐƯỢC**

Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 07/11/1967

Nơi sinh: Cần Thơ

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công nghệ hóa học và thực phẩm

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

### Quá trình công tác:

Trước 07/2006	Phó Giám đốc – Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ.
07/2006 – nay	Phó Tổng Giám đốc – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

Số lượng cổ phần sở hữu: 17.163 cổ phần chiếm 0,11% VDL



# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

**ÔNG NGUYỄN TRÍ TÙNG**  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 28/08/1967  
Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh  
Trình độ văn hoá: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học công nghệ chế biến thủy sản  
Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

### Quá trình công tác:

Trước 07/2006 Trưởng phân xưởng tôm – Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ.  
07/2006 – 26/06/2020 Trưởng phòng kỹ thuật – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.  
26/06/2020 – nay Phó Tổng Giám đốc – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

Số lượng cổ phần sở hữu: 12.172 cổ phần chiếm 0,08% VDL

**ÔNG PHAN HOÀNG DUY**  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 22/08/1984  
Nơi sinh: Cần Thơ  
Trình độ văn hoá: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chăn nuôi thú y  
Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

### Quá trình công tác:

01/2008 – 05/2014 Nhân viên phòng Xuất khẩu – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.  
06/2014 – 11/2015 Phó phòng Xuất khẩu – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.  
12/2015 – 07/2017 Trưởng phòng Kinh doanh – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.  
08/2017 – nay Phó Tổng Giám đốc – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

Số lượng cổ phần sở hữu: 7.911 cổ phần chiếm 0,05% VDL

**ÔNG NGUYỄN KHẮC CHUNG**  
Kế toán trưởng

Ngày sinh: 23/10/1965  
Nơi sinh: Thanh Hóa  
Trình độ văn hoá: 12/12  
Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế  
Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng

### Quá trình công tác:

Trước 07/2006 Phụ trách Kế toán – Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ.  
07/2006 – nay Kế toán trưởng – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

Số lượng cổ phần sở hữu: 118.559 cổ phần chiếm 0,79% VDL

## NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2022:

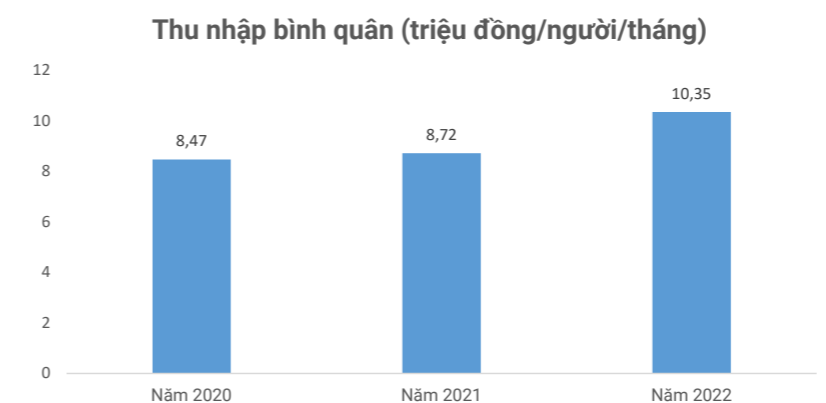
Ông Nguyễn Thanh Giang đã miễn nhiệm vào ngày 01 tháng 10 năm 2022

## SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>706</b>	<b>100</b>
1	Trên đại học	4	0,57
2	Đại học, cao đẳng	105	14,87
3	Trung cấp	54	7,65
4	Công nhân kỹ thuật	20	2,83
5	Lao động phổ thông	523	74,08
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>706</b>	<b>100</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	120	17
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	585	82,86
3	Hợp đồng theo thời vụ	1	0,14
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>706</b>	<b>100</b>
1	Nam	318	45,04
2	Nữ	388	54,96



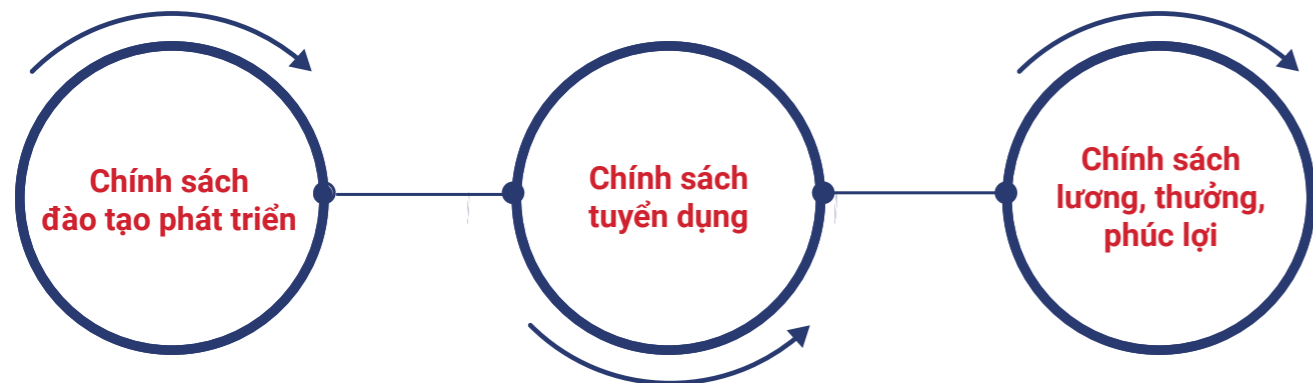
Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Thu nhập bình quân người lao động (triệu đồng/người/tháng)	8,47	8,72	10,35





## ➤ TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ



Với định hướng con người là yếu tố cốt lõi trong mục tiêu xây dựng chiến lược tăng trưởng ổn định và bền vững, CASEAMEX luôn chú trọng đầu tư phát triển nguồn nhân lực thông qua các lớp đào tạo chuyên môn, các hoạt động giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, khuyến khích nhân viên tham gia các khóa huấn luyện để nâng cao trình độ và tạo mọi điều kiện cho người lao động có cơ hội thăng tiến, phát triển tối đa năng lực của bản thân. Bên cạnh đó, Công ty cũng liên tục cập nhật kiến thức, khả năng vận hành và sử dụng máy móc, thiết bị ứng dụng khoa học công nghệ mới để đáp ứng nhu cầu ngày càng phát triển của doanh nghiệp.

Dựa trên tình hình hoạt động, chiến lược kinh doanh và nhu cầu công việc thực tế, Công ty đã xây dựng chính sách tuyển dụng với các tiêu chí về trình độ chuyên môn, tình trạng sức khỏe, kỹ năng khác,... nhằm tìm kiếm được nguồn nhân sự phù hợp với từng vị trí, từng phòng ban cụ thể. Quy trình tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật lao động hiện hành về thời gian thử việc và chính sách lương bổng.

Bên cạnh việc tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành về cơ chế lương bổng, trợ cấp, phúc lợi xã hội, bảo hiểm,... để động viên cán bộ công nhân viên tăng cường hiệu quả đóng góp, Công ty đã xây dựng nên quy chế lương thưởng xứng đáng, cụ thể theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhiệm. Bên cạnh đó, CASEAMEX cũng thường xuyên tổ chức theo dõi, đánh giá năng suất làm việc để tổ chức các đợt khen thưởng hàng quý, hàng năm để khuyến khích những nhân sự có thành tích xuất sắc, có nhiều đóng góp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, cải tiến quy trình để nâng cao hiệu quả hoạt động.



## ➤ TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

“ Trong năm 2022, Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh với các điều kiện sản xuất hiện có, vì thế, Công ty không phát sinh đầu tư dự án mới. ”



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Năm 2022/ Năm 2021
1	Tổng giá trị tài sản	780.913	1.013.550	129,79%
2	Doanh thu thuần	946.687	1.314.693	138,87%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	22.234	57.101	256,82%
4	Lợi nhuận khác	(11)	(208)	-
5	Lợi nhuận trước thuế	22.223	56.893	256,01%
6	Lợi nhuận sau thuế	17.775	43.442	244,40%

## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,09	1,06
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,63	0,48
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	70,32	75,17
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	236,92	302,77
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	2,93	3,03
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,24	1,47
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	1,88	3,30
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	7,94	17,97
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	2,33	4,84
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần (LN HỖSXKD/ DTT)	%	2,35	4,34

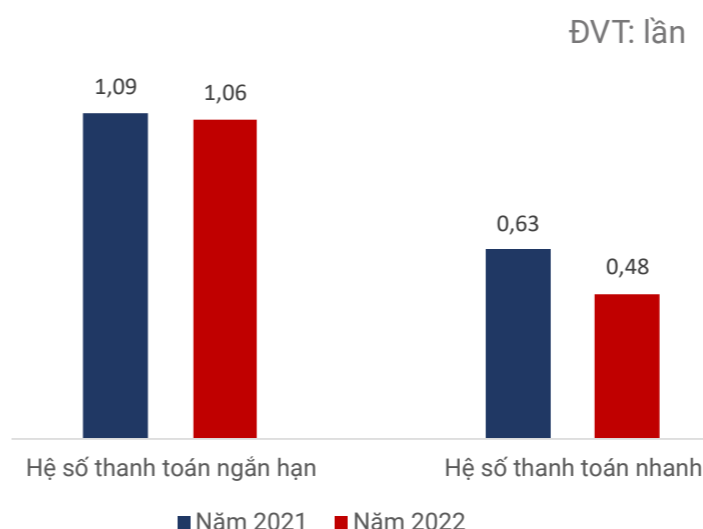
## Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các hệ số về khả năng thanh toán của Công ty có biến động nhẹ so với năm trước. Qua bảng số liệu trên có thể thấy hệ số thanh toán ngắn hạn có biến động giảm từ 1,09 lần xuống 1,06 lần vào năm 2022, hệ số thanh toán nhanh giảm từ 0,63 lần vào năm 2021, đến năm 2022 giảm xuống còn 0,48 lần. Việc giảm nhẹ các chỉ số khả năng thanh toán chủ yếu do sự gia tăng trong khoản mục nợ ngắn hạn của Công ty nhanh hơn trong tài sản ngắn hạn. Cụ thể:

Trong năm qua, sự gia tăng trong các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và hàng tồn kho của Công ty dẫn đến tài sản ngắn hạn tại thời điểm cuối năm tăng 38,06% (tương đương 223,7 tỷ đồng).

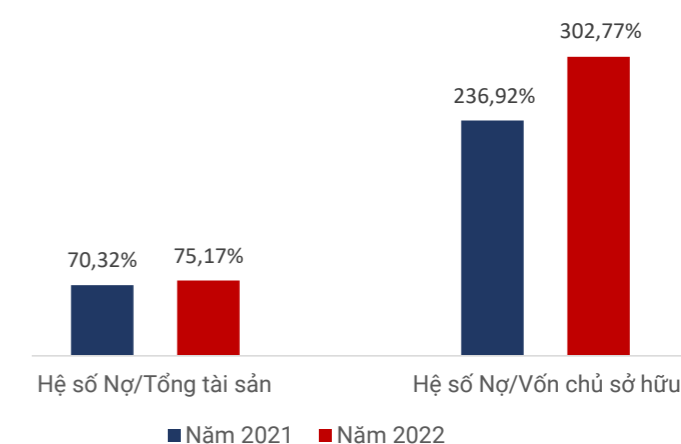
Trong bối cảnh nền kinh tế nhiều biến động, Công ty phải tăng các khoản vay tài chính ngắn hạn trong năm 2022 lên 41,09% so với cùng kỳ năm 2021 (tương đương tăng 109,9 tỷ đồng) để bổ sung vốn lưu động giúp vận hành quá trình sản xuất kinh doanh thuận lợi hơn làm cho nợ ngắn hạn tăng hơn 40,85%. Trong năm qua, các khoản mục phải trả cho người bán, người mua trả tiền trước cũng gia tăng mạnh nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Theo đó, khả năng thanh toán của Công ty tuy giảm nhưng vẫn giữ ở mức an toàn trong các năm qua cho thấy Công ty đã và đang chủ động trong công tác điều hành thanh khoản; đảm bảo năng lực thanh toán trước các khoản nợ gần tới hạn của Công ty, giúp giảm thiểu rủi ro và duy trì hoạt động kinh doanh luôn ổn định.



## Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Năm 2022, hệ số nợ trên tổng tài sản là 75,17% và hệ số nợ trên nguồn vốn chủ sở hữu là 302,77%. Hai hệ số này trong năm 2022 có sự gia tăng so với năm 2021. Nợ phải trả ngắn hạn của CASEAMEX trong năm có nhiều biến động, trong đó các khoản phải trả cho người bán và người mua trả tiền trước tăng cao do Công ty nhận nhiều đơn đặt hàng. Đây được xem là một tín hiệu tốt đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi tình hình kinh tế phục hồi kéo theo gia tăng nhu cầu tiêu thụ sản phẩm.





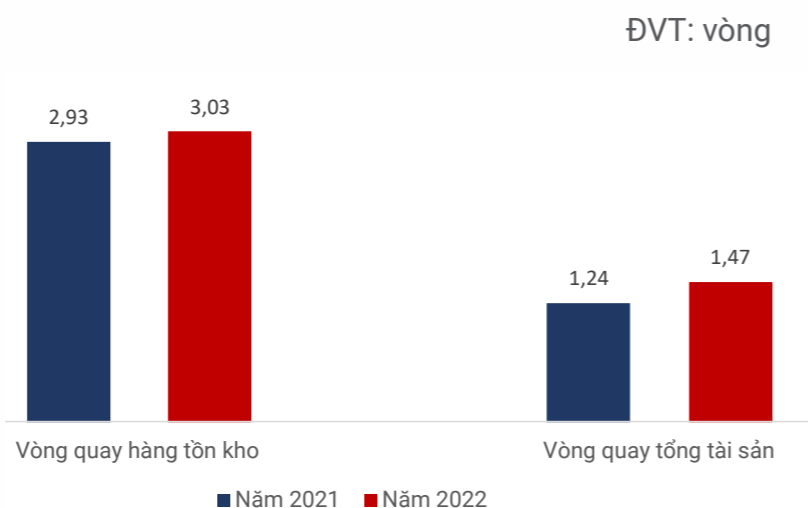
## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

#### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

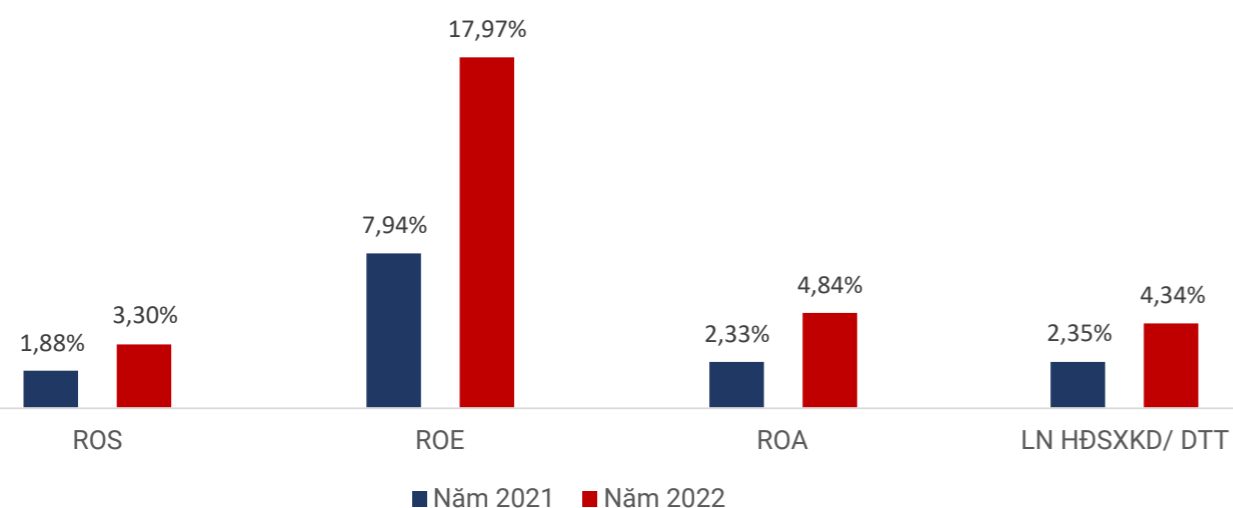
Kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2022 được thể hiện qua nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời. Các cơ hội trong năm 2022 có thể kể đến như các hoạt động xã hội, giao thương trở lại bình thường, các đơn hàng nhanh chóng được hoàn tất cũng như việc mở cửa đã góp phần gia tăng nhu cầu nhập khẩu cá tra Việt Nam của các thị trường như Mỹ, EU, Canada, Úc, Châu Á, Trung Quốc, Brazil, Mexico, các nước Trung Đông ... Điều này đã góp phần vào việc tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận của CASEAMEX trong năm 2022.

Cụ thể, chỉ số ROS đã tăng từ 1,88% vào năm 2021 lên 3,91% vào năm 2022, chỉ số ROE đã tăng mạnh từ 7,94% lên 20,95%, chỉ số ROA và Hệ số LN HỖSXKD/ DTT cũng ghi nhận tăng tương ứng.



#### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Kết quả kinh doanh khả quan trong năm 2022 được thể hiện qua nhóm chỉ tiêu về khả năng sinh lời. Các cơ hội trong năm 2022 có thể kể đến như các hoạt động xã hội, giao thương trở lại bình thường, các đơn hàng nhanh chóng được hoàn tất cũng như việc mở cửa đã góp phần gia tăng nhu cầu nhập khẩu cá tra Việt Nam của các thị trường như Mỹ, EU, Canada, Úc, Châu Á, Trung Quốc, Brazil, Mexico, các nước Trung Đông ... Điều này đã góp phần vào việc tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận của CASEAMEX trong năm 2022. Cụ thể, chỉ số ROS đã tăng từ 1,88% vào năm 2021 lên 3,30% vào năm 2022, chỉ số ROE đã tăng mạnh từ 7,94% lên 17,97%, chỉ số ROA và Hệ số LN HỖSXKD/ DTT cũng ghi nhận tăng tương ứng khi tăng từ 2,33% lên 4,845% đối với ROA và tăng từ 2,35% lên 4,34% đối với Hệ số LN HỖSXKD/ DTT.



# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

## CỔ PHẦN



Loại cổ phiếu	:	Cổ phiếu phổ thông
Mã chứng khoán	:	CCA
Mệnh giá cổ phiếu	:	10,000 đồng/ cổ phiếu
Ngày bắt đầu niêm yết/ đăng ký giao dịch	:	26/12/2019
Tổng số cổ phiếu đang lưu hành	:	13.734.017 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ	:	1.358.309 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	:	13.734.017 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	:	0 cổ phiếu

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đông		Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân		
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ Cổ đông FDI	-	-	-	-	-	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	5.445.023	36,08	1	-	1	-
	- Trong nước	5.445.023	36,08	1	-	1	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-	-
4	Công đoàn công ty	-	-	-	-	-	-
	- Trong nước	-	-	-	-	-	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	1.358.309	9,00	1	1	-	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	-	-	-	-	-
7	Cổ đông khác	8.288.994	54,92	436	1	435	-
	- Trong nước	8.190.241	54,27	433	1	432	-
	- Nước ngoài	98.753	0,65	3	-	3	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>15.092.326</b>	<b>100</b>	<b>438</b>	<b>2</b>	<b>436</b>	<b>-</b>

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

### Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Võ Đông Đức	350 Bùi Hữu Nghĩa, Bình Thủy, Cần Thơ	5.445.023	36,08%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

Các chứng khoán khác: Không



## BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



### QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Do là một công ty sản xuất các sản phẩm từ cá tra và cá basa, nguồn nguyên vật liệu chính của công ty chủ yếu là cá giống, nguồn nước và các thành phần khác phục vụ cho mục đích nuôi cá cũng như chế tạo sản phẩm từ cá. Với định hướng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, quy trình sản xuất khép kín và tận dụng chuỗi giá trị ngành cá để đảm bảo hơn 80% nguồn cung cấp đầu vào nên tình hình về nguồn nguyên vật liệu của Công ty có thể được đánh giá là tương đối ổn định, đảm bảo được chất lượng của hoạt động sản xuất và đáp ứng các mục tiêu tăng trưởng bền vững của doanh nghiệp.



### TIÊU THỤ NƯỚC

Nước là nguồn nguyên vật liệu đóng vai trò vô cùng quan trọng trong toàn bộ quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Với nguồn cung cấp nước đầu vào chủ yếu là nước sông Mekong và các suối nước ngầm phía dưới đất, Công ty đã xây dựng được quy trình kiểm soát và quản lý chất lượng nước trong quá trình sản xuất, bao gồm kiểm tra định kỳ và phân tích chất lượng nước, điều chỉnh pH và độ mặn của nước, và sử dụng các phương pháp xử lý nước để loại bỏ các chất độc hại và vi khuẩn gây bệnh cho cá. Đồng thời, CASEAMEX cũng đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải để giảm thiểu tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường nước tự nhiên.



### TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Quá trình hoạt động sản xuất của Công ty chủ yếu là trong môi trường tự nhiên và sử dụng điện năng làm nguồn năng lượng chủ yếu cho hoạt động của máy móc thiết bị nuôi và chế biến sản phẩm. Ngoài ra, Công ty cũng có định hướng đầu tư nghiên cứu để cải tiến máy móc, thiết bị và quy trình sản xuất, từ đó tối ưu trong việc sử dụng năng lượng để góp làm giảm chi phí cũng như góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường.



### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Bên cạnh việc đảm bảo được chất lượng, vệ sinh an toàn trong toàn bộ quy trình nuôi và chế biến sản phẩm từ cá, CASEAMEX cũng luôn chủ trương xây dựng hệ thống xử lý rác và nước thải theo đúng các quy chuẩn trước khi đưa ra ngoài để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện các công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức của người lao động, cũng như tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, cải tạo và xây dựng môi trường tự nhiên của hoạt động sản xuất đến môi trường.



### CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

CASEAMEX luôn đảm bảo tính minh bạch, công bằng, hiệu quả trong việc xây dựng các bộ máy tuyển dụng - đào tạo, quản lý tình hình hoạt động, năng suất làm việc, hoàn thiện các chế độ lương thưởng, đãi ngộ, phúc lợi. Công ty thường xuyên theo dõi, đánh giá để đưa ra định hướng, phân công công việc cụ thể, phù hợp với chức năng của từng phòng ban, từng cá nhân để có thể phát huy hết được năng lực và tạo ra cơ hội phát triển, thăng tiến trong định hướng sự nghiệp của người lao động. Qua đó, vừa nâng cao năng suất của nguồn nhân lực, đóng góp kết quả hoạt động của doanh nghiệp, vừa đáp ứng được nguyện vọng, đảm bảo đời sống và mọi quyền lợi hợp lý của toàn bộ nhân viên.



### BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty luôn chủ trương chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật, đảm bảo an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường, đồng thời đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế và xã hội của địa phương thông qua việc tạo ra việc làm và thu nhập ổn định cho người dân;

Thường xuyên tham gia, ủng hộ các hoạt động và chương trình giáo dục, y tế và văn hóa. Tổ chức, tài trợ các hoạt động công tác xã hội nhằm hỗ trợ, cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương cũng như thực hiện các cam kết sử dụng tài nguyên đất đai, nước, năng lượng và tài nguyên tự nhiên khác một cách bền vững và có trách nhiệm.



CHƯƠNG

# 03

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 45 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 49 Tình hình tài chính
- 52 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 53 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 54 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



### THUẬN LỢI

- » Ngành Thủy sản có những thuận lợi nhất định khi có lợi thế từ việc tận dụng các ưu đãi của Hiệp định CPTPP và EVFTA. Đồng thời, chính trị và kinh tế trong nước tiếp tục ổn định, sự chỉ đạo quyết liệt, sự quan tâm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với ngành Thủy sản,...
- » Nhu cầu của thị trường Mỹ và EU tăng mạnh là động lực chính hỗ trợ xuất khẩu thủy sản Việt Nam tăng trưởng trong năm qua. Ngoài ra các doanh nghiệp Việt Nam cũng đẩy mạnh xuất khẩu sang nhiều thị trường nhỏ nhưng tiềm năng như các thị trường tham gia hiệp định CPTPP (Australia, Mexico, Malaysia, Canada và các thị trường Phillipin, Thái Lan, Colombia...) Nhờ yếu tố thị trường xuất khẩu các mặt hàng chủ lực đều tăng so với năm trước. Đặc biệt, trong năm 2022, lần đầu tiên kim ngạch xuất khẩu thủy sản cán đích ở con số kỷ lục với gần 11 tỷ USD, tăng 23,8% so với cùng kỳ năm 2021 (8,89 tỷ USD), tăng 22,2% so với kế hoạch.
- » Về vị trí địa lý, CASEAMEX có lợi thế về địa hình khi nằm cạnh sông Mekong thuộc khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, giúp Công ty dễ dàng tiếp cận nguồn nguyên liệu cá tra và cá basa.
- » Công ty xây dựng nguồn nguyên liệu cá tra và cá basa nhằm đảm bảo nguồn cung cấp đầu vào khoảng 80% cho quá trình sản xuất. CASEAMEX có thể chủ động trong việc thiết lập quy trình sản xuất khép kín và đảm bảo đủ nguyên liệu duy trì sản xuất ổn định.
- » CASEAMEX là một trong 7 Công ty xuất khẩu cá tra của Việt Nam đã được FSIS công nhận đủ điều kiện tương đồng về quy trình nuôi và chế biến cá da trơn với quy trình nuôi cá da trơn của Mỹ.
- » CASEAMEX đã đầu tư xây dựng thêm cơ sở hạ tầng như trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản để đảm bảo quy trình sản xuất khép kín. Bên cạnh đó Công ty luôn mạnh dạn đầu tư trang thiết bị máy móc và cải tiến công nghệ hiện đại để đáp ứng được nhu cầu tăng cao của thị trường trong và ngoài nước về mặt số lượng và chất lượng.
- » Công ty có hệ thống quản lý chất lượng cho toàn bộ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như ISO 9001, SQP 2000, BRC, IFS, HACCP, GMP, SSOP, giúp tiết kiệm được thời gian, nguyên liệu, chất lượng sản phẩm cao và tăng hiệu quả. CASEAMEX đang áp dụng chương trình SQF 1000 cho việc cung cấp nguồn cá nguyên liệu sạch. Ngoài ra, Công ty có cơ sở vật chất, dây chuyền sản xuất, máy móc thiết bị hiện đại phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh được bảo trì, bảo dưỡng và cải tiến liên tục để đáp ứng được nhiệm vụ sản xuất đã đề ra.

### KHÓ KHĂN

- » Đại dịch COVID-19 và xung đột giữa Nga và Ukraine đã tác động mạnh mẽ lên chuỗi giá trị toàn cầu, giá nhiên liệu không ổn định; chi phí đầu vào tăng vọt, cước vận tải biển tăng gấp nhiều lần, giá vật tư, các mặt hàng phục vụ cho hoạt động khai thác thủy sản cũng tăng theo, chi phí duy trì sản xuất lớn trong khi giá xuất khẩu không tăng nhiều
- » Những yêu cầu ngày càng cao về an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc của các thị trường; thẻ vàng EC chưa được tháo gỡ. Các quy định của Luật Thủy sản 2017 về quản lý khai thác theo hướng bền vững, hiệu quả, có trách nhiệm đang được triển khai, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc cần có thời gian để thực hiện,...
- » Công ty đang hoạt động trong một ngành công nghiệp có tính cạnh tranh cao không chỉ từ các doanh nghiệp trong nước mà còn là các tập đoàn xuất khẩu cá tra hàng đầu trên thế giới.
- » Công ty phải đối mặt với các rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, bao gồm sự thiếu hụt nguồn nước cấp cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long, các hiện tượng mưa lớn, lũ lụt, hạn hán và thời tiết khắc nghiệt khác... Những điều này có thể ảnh hưởng đáng kể năng suất và chất lượng sản phẩm của công ty.
- » Cá tra và cá basa có thể bị nhiễm bệnh và gây ra thiệt hại cho trang trại của CASEAMEX. Công ty phải đầu tư vào các biện pháp phòng chống bệnh tốt nhất để đảm bảo rằng sản phẩm đáp ứng được tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm.
- » Ngoài các thách thức liên quan đến sản xuất, CASEAMEX cũng phải đối mặt với các khó khăn liên quan đến điều kiện kinh doanh, bao gồm chi phí lao động, giá nguyên liệu đầu vào, pháp lý và quy định chính phủ.





## NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

- » Trong năm 2022, CASEAMEX đã đầu tư phát triển thêm nhiều sản phẩm mới, liên kết các mắt xích trong chuỗi giá trị ngành cũng như đẩy mạnh xây dựng, sửa đổi, cải tiến quy trình sản xuất khép kín với những cơ sở hạ tầng, trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản được ứng dụng nhiều thành tựu khoa học hiện đại, đảm bảo được chất lượng thành phẩm và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
- » Tiếp tục duy trì mạng lưới khách hàng ổn định, tăng cường hợp tác và mở rộng giao thương với các doanh nghiệp tại Mỹ và các quốc gia khác trên thế giới.
- » Xây dựng được văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc lành mạnh, các chính sách lương thưởng, phúc lợi hợp lý, đảm bảo tính công bằng, minh bạch để thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu công việc. Từ đó làm cơ sở thực hiện các chiến lược lâu dài và góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.





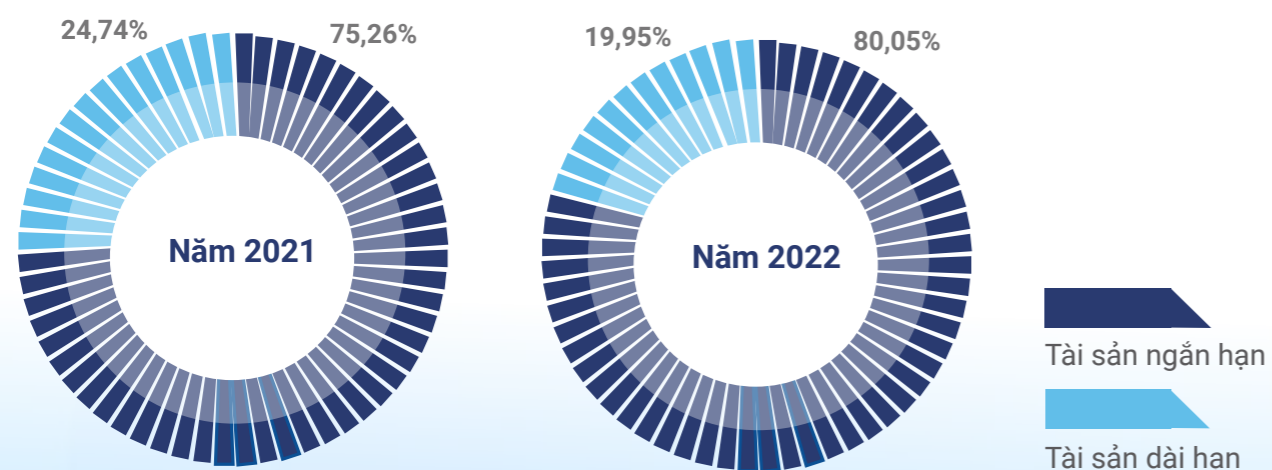
# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÀI SẢN

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Tài sản ngắn hạn	587.725	75,26%	811.393	80,05%	223.668	38,06%
Tài sản dài hạn	193.188	24,74%	202.156	19,95%	8.968	4,64%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>780.913</b>	<b>100,00%</b>	<b>1.013.550</b>	<b>100,00%</b>	<b>232.637</b>	<b>29,79%</b>

Kết thúc năm 2022, tổng tài sản của Công ty đạt 1.013,6 tỷ đồng, tăng 29,79% so với năm 2021. Với đặc thù là Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các mặt hàng thủy sản, nông sản, nên trong cơ cấu tài sản của Công ty, tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu với 80,05% và tài sản dài hạn chiếm 19,95% tỷ trọng. Trong năm qua, tài sản dài hạn của Công ty tăng nhẹ 4,64% so với cùng kỳ năm trước, do khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty tăng từ 99 tỷ đồng lên mức 114 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn của Công ty ghi nhận sự tăng trưởng cao hơn với mức tăng 38,06% so với năm ngoái, nguyên nhân dẫn đến sự tăng trưởng này là do trong năm Công ty đầu tư thêm 48,5 tỷ đồng cho hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn. Bên cạnh đó, hàng tồn kho của Công ty cũng tăng 196,2 tỷ đồng do trữ nguyên vật liệu sản xuất, gia tăng thành phẩm để giao hàng đúng thời hạn và số lượng đối với hợp đồng đã ký từ trước.

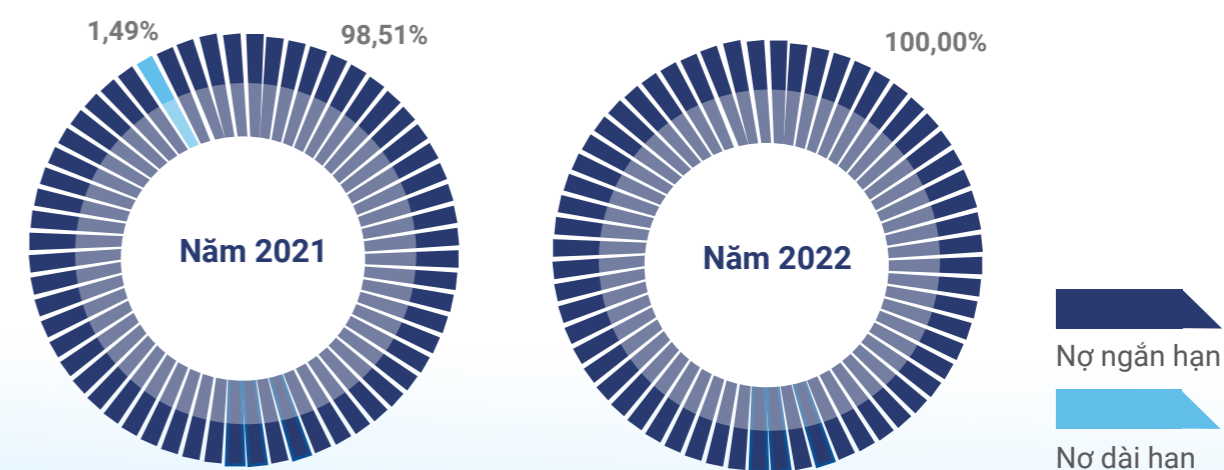


## NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Tăng/Giảm	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	540.930	98,51%	761.903	100,00%	220.973	40,85%
Nợ dài hạn	8.206	1,49%	-	-	(8.206)	(100,00%)
<b>Tổng nợ</b>	<b>549.136</b>	<b>100,00%</b>	<b>761.903</b>	<b>100,00%</b>	<b>212.767</b>	<b>38,75%</b>

Tình hình nợ phải trả của Công ty trong năm 2022 có xu hướng tăng và đạt mức 761,9 tỷ đồng (tăng 38,75% so với năm 2021). Năm 2022, công ty không còn nợ dài hạn, nợ ngắn hạn tăng 40,85% so với cùng kỳ năm 2021. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc gia tăng khoản vay và nợ tài chính ngắn hạn gần 109,9 tỷ đồng. Với đặc thù hoạt động của Công ty chủ yếu cần tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh nên Công ty vẫn sử dụng nguồn vốn tài trợ cho hoạt động của mình là từ nguồn nợ ngắn hạn. Điều này cho thấy Công ty kiểm soát được cơ cấu nợ một cách ổn định tập trung vào quản lý nguồn vốn lưu động để hoạt động kinh doanh, đảm bảo sử dụng nguồn vốn một cách hợp lý nhằm đảm bảo duy trì ổn định và sự phát triển bền vững của Công ty.







## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- » Trong năm 2022, CASEAMEX đã đầu tư phát triển thêm nhiều sản phẩm mới, liên kết các mắt xích trong chuỗi giá trị ngành cũng như đẩy mạnh xây dựng, sửa đổi, cải tiến quy trình sản xuất khép kín với những cơ sở hạ tầng, trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản được ứng dụng nhiều thành tựu khoa học hiện đại, đảm bảo được chất lượng thành phẩm và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.
- » Tiếp tục duy trì mạng lưới khách hàng ổn định, tăng cường hợp tác và mở rộng giao thương với các doanh nghiệp tại Mỹ và các quốc gia khác trên thế giới.
- » Xây dựng được văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc lành mạnh, các chính sách lương thưởng, phúc lợi hợp lý, đảm bảo tính công bằng, minh bạch để thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng được nhu cầu công việc. Từ đó làm cơ sở thực hiện các chiến lược lâu dài và góp phần vào sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.



# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	% KH 2023/ TH 2022
1	Doanh thu	Triệu đồng	1.325.161	1.300.000	98,10%
2	Kim ngạch xuất khẩu	USD	44.559.886	45.000.000	100,99%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	56.893	30.000	52,73%
4	Khấu hao TSCĐ	Triệu Đồng	12.000	11.000	91,67%
5	Năng lực sản xuất	Tấn	15.300	13.500	88,24%
6	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	13.348	13.500	101,14%
7	Tổng CBNV	Người	706	750	106,23%
8	Thu nhập bình quân	Triệu đồng/năm	10	10	100,00%

## KẾ HOẠCH KINH DOANH

- Duy trì điều kiện sản xuất hiện có của nhà xưởng và hoàn thiện nhà xưởng, kho trữ hàng hóa đáp ứng và đảm bảo đầy đủ các tiêu chuẩn sản xuất và chất lượng hàng hóa tốt nhất.
- Nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng đủ nhu cầu đơn hàng của những nhà nhập khẩu lớn. Tìm kiếm thêm thị trường tiềm năng, đưa sản phẩm đến các siêu thị nhà hàng và các cửa hàng thức ăn nhanh.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí, định mức chế biến, tăng năng suất, giảm giá thành nhằm tối đa hóa lợi nhuận, nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm của Công ty trên thị trường.
- Đảm bảo uy tín chất lượng sản phẩm, thời gian giao hàng cũng như tiến độ giao hàng.
- Giữ vững và từng bước nâng cao doanh số, thị phần và mở rộng thị trường trong nước, nâng cao vị thế của Công ty trong ngành chế biến thủy sản.
- Hoàn thiện các tiêu chuẩn đã đạt được và cập nhật xây dựng các tiêu chuẩn mới nhằm đáp ứng các quy chuẩn để sản phẩm có thể vào tất cả các thị trường trên thế giới, quan trọng nhất là duy trì đáp ứng điều kiện tương đương theo luật Farm Bill của Mỹ.
- Phấn đấu đạt và vượt kế hoạch sản lượng tiêu thụ đã đề ra.



## KẾ HOẠCH SẢN XUẤT

- Tập trung nguồn lực về vốn, về nhân sự để đầu tư trọng điểm cho các vùng nuôi nhằm đảm bảo đầy đủ, kịp thời, nhu cầu cá nguyên liệu và kiểm soát chặt chẽ chất lượng, đảm bảo đạt chất lượng cá tốt nhất cho xuất khẩu, đáp ứng đúng về kích cỡ, phục vụ đủ tổng sản lượng nguyên liệu sản xuất theo kế hoạch đã đề ra.
- Quan tâm thường xuyên nghiên cứu tìm hiểu về quy trình, công nghệ sản xuất chế biến nhằm kịp thời đầu tư cải tiến, thay thế để đem lại hiệu quả sản xuất tốt nhất, sản phẩm đạt chất lượng cao nhất, yêu cầu định mức chế biến ổn định.
- Tuân thủ và duy trì hệ thống quản lý chất lượng như: BAP BRC IFS HACCP, SA8000, ASC, HALAL.
- Phấn đấu đạt và vượt kế hoạch sản lượng sản xuất đã đề ra.

## KẾ HOẠCH TIẾP THỊ

- Quảng bá thương hiệu để khách hàng nhận diện sự khác biệt của chất lượng sản phẩm CASEAMEX. Tạo hình ảnh tốt trong hoạt động nuôi trồng và chế biến thủy sản mang tính chất ổn định, bền vững, thân thiện với môi trường.
- Thị trường: tiếp tục đẩy mạnh việc tìm kiếm cơ hội để đa dạng hóa thị trường, mở rộng thêm khách hàng các thị trường mới như: Trung Đông, Trung Quốc...
- Tiếp tục nghiên cứu nhu cầu thị hiếu của người tiêu dùng các nước, các nhà nhập khẩu để có chính sách điều chỉnh và nâng cao mẫu mã chất lượng hàng hóa phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng.
- Chủ động tổ chức và tham gia các chiến dịch truyền thông bảo vệ hình ảnh cá tra Việt Nam.
- Thường xuyên tham gia khảo sát thị trường, các hội chợ triển lãm quốc tế chuyên ngành, các hội thảo, các diễn đàn doanh nghiệp do các cơ quan xúc tiến thương mại tổ chức để tìm khách hàng tin cậy và tìm kiếm cơ hội tiêu thụ hàng hóa.

## KẾ HOẠCH NUÔI TRỒNG

- Tiếp tục xem xét quy hoạch lại vùng nuôi, phát triển và hoàn thiện các tiêu chuẩn phù hợp cho các vùng nuôi của Công ty phấn đấu đạt sản lượng trên 35.000 tấn nguyên liệu/năm.
- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ chất lượng con giống, đẩy mạnh hợp tác, đầu tư có kế hoạch thay thế bổ sung đàn cá bố mẹ để tạo đủ số lượng con giống có chất lượng tốt và sạch bệnh. Liên kết các Công ty giống tạo nguồn giống đạt tiêu chuẩn chất lượng, đủ cung cấp cho các trại nuôi cũng như góp phần cung cấp con giống cho khu vực.
- Phối hợp với các nhà cung cấp thức ăn, cung cấp thuốc cho thủy sản trong việc kiểm tra kiểm soát chất lượng thức ăn và chất lượng thuốc thủy sản nhằm đảm bảo thời gian nuôi, định mức thức ăn, đạt mức tăng trọng tốt cho tất cả các vùng nuôi.
- Liên doanh liên kết các trại nuôi vùng nuôi nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu đủ 100% nhu cầu nguyên liệu cho nhà máy hoạt động.

## KẾ HOẠCH VỀ VỐN

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn tự có, duy trì tình hình tài chính lành mạnh ổn định, sử dụng nguồn vốn đúng mục đích và đạt hiệu quả cao. Tranh thủ các nguồn vốn vay ngắn hạn, trung và dài hạn của Ngân hàng để bổ sung vốn kinh doanh và dự trữ hàng nhằm đạt hiệu suất sử dụng vốn cao nhất.
- Có kế hoạch kiểm tra đôn đốc thu hồi công nợ, nhằm tạo điều kiện sử dụng vòng quay vốn nhanh và hiệu quả.
- Tăng cường công tác đầu tư vốn và hướng dẫn kỹ thuật cho các hộ, trang trại nuôi trồng thủy sản để có nguồn cung cấp nguyên liệu ổn định, kiểm soát được nguồn gốc chất lượng nguyên liệu đáp ứng cho nhu cầu sản xuất, xuất khẩu.
- Tìm kiếm cơ hội kêu gọi đầu tư, góp vốn, huy động vốn, tăng vốn điều lệ... nhằm đáp ứng đủ nguồn lực về vốn phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh và tăng trưởng của Công ty.

## GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2022, đơn vị kiểm toán Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C tại Cần Thơ đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo của Công ty, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.



CHƯƠNG

04

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 57 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 58 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 58 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2022 là năm ngành Thủy sản phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, kết thúc năm 2022, toàn ngành đã đạt được nhiều kết quả nổi bật, nhất là kim ngạch xuất khẩu đạt ở mức kỷ lục với gần 11 tỷ USD, tăng 23,8% so với cùng kỳ năm 2021. Giai đoạn đầu năm 2022, nguyên nhân khiến giá và sản lượng xuất khẩu tăng là do nguồn cung cá thịt trắng bị thắt chặt do giảm sản lượng được khai thác trên toàn cầu và ảnh hưởng từ các biện pháp trừng phạt của nhiều nước với sản phẩm cá minh thái từ Nga; tồn kho cá tra bị thấp tại các thị trường xuất khẩu đặc biệt là thị trường Mỹ do đứt gãy chuỗi cung ứng trong năm 2021 và nhu cầu tiêu thụ gia tăng tại các thị trường xuất khẩu chính như Mỹ, EU và Trung Quốc. Tuy nhiên, trong những tháng đầu của quý 3/2022, đà tăng trưởng của ngành xuất khẩu thủy sản đã chậm lại. Trong thị trường Mỹ, một trong những thị trường nhập khẩu lớn nhất sản phẩm cá tra của Việt Nam, đã có dấu hiệu cho thấy lượng nhập khẩu đang dần giảm do nhu cầu tiêu dùng của cá nhân giảm trong bối cảnh lo ngại về lạm phát và suy thoái kinh tế, đồng thời tồn kho tại thị trường này vẫn ở mức cao sau khi trong một thời gian dài liên tục nhập khẩu từ cuối năm 2021 đến tháng 5/2022.

Trải qua một năm 2022 với nhiều sự kiện trong nước cũng như quốc tế tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. CASEAMEX là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong ngành chế biến thủy sản xuất khẩu của cả nước, tuy nhiên do hoạt động chủ yếu là xuất khẩu nên Công ty còn phải chịu cạnh tranh từ những nước khác đặc biệt là Ấn Độ, Indonesia,... Thêm vào đó, rào cản thương mại từ các nước nhập khẩu ngày càng tăng khiến cho chi phí sản xuất, bán hàng, kiểm soát chất lượng sản phẩm tăng lên. Những yếu tố này ảnh hưởng đáng kể đến kế hoạch sản xuất kinh doanh và lợi nhuận của CASEAMEX. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên tận dụng cơ hội, vượt qua thách thức, nỗ lực hết mình để vận hành doanh nghiệp an toàn và hiệu quả để đạt được mục tiêu kế hoạch đã đề ra.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý điều hành trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022. Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò của mình thể hiện qua các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với định hướng của HĐQT. Các chủ trương, chỉ đạo mà HĐQT đưa ra cũng được Ban điều hành triển khai đầy đủ, kịp thời và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao. Hội đồng Quản trị tin tưởng với các giải pháp chắc chắn, linh hoạt trong công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc Công ty và Ban Giám đốc các công ty thành viên sẽ góp phần gia tăng sự ổn định trong hoạt động sản xuất, từng bước chinh phục các thị trường mới, các thị trường khó tính trong khu vực và quốc tế trong bối cảnh còn nhiều khó khăn phức tạp.

**Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện các hoạt động giám sát như:**

- Phối hợp, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và Ban điều hành để đưa ra các định hướng và giải quyết kịp thời các đề xuất, yêu cầu của Ban điều hành Công ty trong việc sản xuất, kinh doanh hàng ngày;
- Thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất giữa HĐQT với Ban Tổng Giám đốc để nghe báo cáo, giải quyết kịp thời các tình huống phát sinh;
- Ra quyết định việc cơ cấu lại mô hình tổ chức, mang lại hiệu quả trong công tác quản lý;
- Đưa ra nghị quyết về các phương án, dự án đầu tư của Công ty, thu xếp nguồn vốn, nhân lực cho quản lý cấp cao của các dự án.

**Đánh giá chung về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành;
- Tổng Giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng Giám đốc và định kỳ hàng tuần/ tháng tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới;
- Tổng Giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật;
- Ban Điều hành và tập thể CBCNV trong Công ty đã cố gắng làm tốt nhiệm vụ SXKD trong năm;
- Ban Điều hành cũng thường xuyên đưa ra được những đề xuất, kiến nghị kịp thời, giải pháp phù hợp để tham mưu cho Hội đồng quản trị nhằm tăng cường hiệu quả và chất lượng công việc, tiết kiệm tối đa các khoản chi phí...

## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tiếp tục chỉ đạo để duy trì Công ty CASEAMEX phấn đấu duy trì vị thế thương hiệu xuất khẩu thủy sản lớn hàng đầu của Việt Nam;
- Giữ vững thị trường xuất khẩu hiện có, đồng thời Công ty không ngừng mở rộng thị trường xuất khẩu mới và đặc biệt xây dựng thương hiệu quảng bá CASEAMEX thành thương hiệu mạnh nhiều người biết đến;
- Hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm;
- Tiếp tục chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành nhà máy sản xuất an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm;
- Thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý hóa quy trình sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, tiết kiệm chi phí và nâng cao năng lực cạnh tranh.





# CHƯƠNG 05

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 61 Hội đồng quản trị
- 63 Ban Kiểm soát
- 67 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát



## DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tại ngày 31/12/2022)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Chí Thảo	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	42.266	0,28%
2	Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	5.445.023	36,08%
3	Nguyễn Thanh Giang	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	5.767	0,04%
4	Võ Thị Thúy Nga	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	154.534	1,02%
5	Lê Huỳnh Thanh Trúc	Ủy viên HĐQT kiêm Phó Quản đốc nhà máy sản xuất	36.499	0,24%

## LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Thông tin lý lịch Ông Nguyễn Chí Thảo, Ông Võ Đông Đức, Ông Nguyễn Thanh Giang, Bà Võ Thị Thúy Nga xem tại Thông tin lý lịch của Ban Điều hành)

**BÀ LÊ HUỖNH THANH TRÚC**

Ủy viên HĐQT

Ngày sinh: 06/04/1967

Nơi sinh: Hậu Giang

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Công nghệ sinh học

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT kiêm phó Quản đốc nhà máy sản xuất

### Quá trình công tác:

Trước 07/2006	Phó Quản đốc sản xuất – Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ
07/2006 - 04/2015	Phó quản đốc nhà máy sản xuất - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ
04/2015 - 01/2020	Ủy viên HĐQT kiêm Phó quản đốc nhà máy sản xuất - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ
01/2020 - nay	Ủy viên HĐQT kiêm phó Quản đốc nhà máy – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

Số lượng cổ phần sở hữu: 36.499 cổ phần chiếm 0,24% VDL

## CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hiện tại, HĐQT chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2022, Hội đồng quản trị Công ty luôn duy trì và tổ chức các phiên họp Hội đồng quản trị định kỳ, ngoài ra còn có cuộc họp bổ sung, các cuộc họp qua điện thoại và liên lạc qua thư điện tử nhằm cùng nhau thảo luận, bàn bạc tìm phương hướng hoạt động phù hợp và tốt nhất cho Công ty qua từng giai đoạn trong năm, ban hành các quyết định và nhiều nội dung quan trọng về các lĩnh vực: Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh, kế hoạch vốn, nuôi trồng, sản xuất, đầu tư cải tiến máy móc trang thiết bị, tổ chức nhân sự... đảm bảo hoạt động của Công ty được duy trì liên tục và hiệu quả, tuân thủ đúng chức năng và quyền hạn của Hội đồng quản trị và Điều lệ hoạt động của Công ty.

### Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Nguyễn Chí Thảo	Chủ tịch HĐQT	5/5	100%
2	Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch HĐQT	5/5	100%
3	Nguyễn Thanh Giang	Ủy viên HĐQT	5/5	100%
4	Võ Thị Thúy Nga	Ủy viên HĐQT	5/5	100%
5	Lê Huỳnh Thanh Trúc	Ủy viên HĐQT	5/5	100%

### Các Nghị quyết ban hành trong năm 2022

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	10/01/2022	Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2021 và thảo luận về kế hoạch và phương hướng kinh doanh năm 2022.
2	15/NQ-HĐQT	22/03/2022	Về việc gia hạn hợp ĐHCĐ thường niên năm 2022 chậm nhất trước ngày 30/06/2022
3	16/NQ-HĐQT	22/03/2022	Về việc Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham gia ĐHCĐ 2022
4	70/NQ-HĐQT	30/09/2022	Thảo luận và đưa phương hướng sản xuất kinh doanh những tháng cuối năm 2022
5	78/NQ-HĐQT	29/12/2022	Đánh giá những thuận lợi và khó khăn của thị trường trong năm 2022. Nhận định tình hình thị trường trong thời gian tới.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT** (tại ngày 31/12/2022)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lý Quốc Tuấn	Trưởng BKS	27.702	0,18%
2	Hồ Thị Cẩm Huỳnh	Thành viên BKS	30.998	0,21%
3	Nguyễn Thị Khánh Vân	Thành viên BKS	5.545	0,04%

**LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

ÔNG  
LÝ QUỐC TUẤN

Trưởng Ban kiểm soát

Ngày sinh: 1974

Nơi sinh: TP. Cần Thơ

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát

**Quá trình công tác:**

- Trước 07/2006 Nhân viên phòng kế toán - Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu trực thuộc Công ty Nông sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ
- Từ 07/2006 - 02/2010 Nhân viên phòng kế toán - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ
- Từ 03/2010 - nay Trưởng Ban kiểm soát kiêm Phó phòng kế toán - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

Số lượng cổ phần sở hữu: 27.702 cổ phần chiếm 0,18% VDL

BÀ HỒ THỊ  
CẨM HUỲNH

Thành viên  
Ban kiểm soát

Ngày sinh: 11/11/1975

Nơi sinh: TP. Cần Thơ

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học chăn nuôi thú y

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát kiêm Trưởng phòng kỹ thuật

**Quá trình công tác:**

- Trước 2006 Nhân viên kiểm nghiệm thuộc Phòng kỹ thuật xí nghiệp CBTPXK - Trực thuộc Công ty nông sản xuất nhập khẩu Cần Thơ
- Từ 07/01/2006 Phó phòng kỹ thuật - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ
- Từ 11/01/2020 Trưởng phòng kỹ thuật - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ
- Từ 26/06/2020 - nay Thành viên Ban kiểm soát kiêm Trưởng phòng kỹ thuật - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

Số lượng cổ phần sở hữu: 30.998 cổ phần chiếm 0,21% VDL



BÀ NGUYỄN THỊ  
KHÁNH VÂN

Thành viên  
Ban kiểm soát

Ngày sinh: 30/05/1978

Nơi sinh: TP. Cần Thơ

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Kế toán

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát kiêm Nhân viên phòng Tổ chức hành chính

**Quá trình công tác:**

- Trước 2006 Nhân viên Phòng kế toán (trạm TPHCM)
- Từ 07/01/2006 Nhân viên Phòng kế toán (trạm TPHCM)
- Từ 02/02/2009 Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ
- Từ 26/06/2020 - nay Thành viên Ban kiểm soát kiêm Nhân viên phòng Tổ chức hành chính - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ

Số lượng cổ phần sở hữu: 5.545 cổ phần chiếm 0,04% VDL



**HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TRONG NĂM 2022**

Trong năm, Ban kiểm soát đã cùng thảo luận, trao đổi thông tin và thống nhất các nội dung:

- » Giám sát tình hình kiểm kê tài sản tại thời điểm khóa sổ ngày 31 tháng 12 năm 2021.
- » Đóng góp dự thảo Quy chế Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị - Quy chế Công bố thông tin...
- » Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 và báo cáo quý, 6 tháng 9 tháng năm 2022.
- » Đóng góp dự thảo Báo cáo sơ kết, tổng kết của Công ty.
- » Hỗ trợ Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc soát xét công tác quản lý nguồn nguyên liệu, sản xuất kinh doanh của Công ty và các công tác giám sát thường xuyên khác.

**Các cuộc họp của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên và đã tổ chức 05 cuộc họp. Các Thành viên Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban kiểm soát, đồng thời phân công thành viên tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lý Quốc Tuấn	Trưởng BKS	5/5	100%	-
2	Hồ Thị Cẩm Huỳnh	Thành viên BKS	5/5	100%	-
3	Nguyễn Thị Khánh Vân	Thành viên BKS	5/5	100%	-

**SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

- » Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.
- » Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong việc giám sát và nâng cao hiệu quả các hoạt động tại Công ty.
- » Ban kiểm soát đã tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, được cung cấp thông tin kịp thời để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ.
- » Ban kiểm soát đánh giá việc quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Công ty đã được thực hiện hiệu quả và phù hợp với chiến lược, mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, cũng như tuân thủ các quy định liên quan của pháp luật.



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: triệu đồng

STT	Thành viên	Chức danh	Lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
1	Nguyễn Chí Thảo	Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	360.000.000	60.000.000	120.000.000	540.000.000
2	Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch HĐQT Tổng Giám đốc	456.000.000	76.000.000	96.000.000	628.000.000
3	Nguyễn Thanh Giang	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	225.000.000	-	72.000.000	297.000.000
4	Võ Thị Thúy Nga	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	378.800.000	63.760.000	72.000.000	514.560.000
5	Lê Huỳnh Thanh Trúc	Thành viên HĐQT	290.325.000	48.400.000	72.000.000	410.725.000
6	Lê Thành Được	Phó Tổng Giám đốc	300.000.000	50.000.000	-	350.000.000
7	Nguyễn Trí Tùng	Phó Tổng Giám đốc	300.000.000	50.000.000	-	350.000.000
8	Phan Hoàng Duy	Phó Tổng Giám đốc	360.060.000	60.020.000	-	420.080.000
9	Lý Quốc Tuấn	Trưởng BKS	239.167.000	39.880.000	60.000.000	339.047.000
10	Hồ Thị Cẩm Huỳnh	Thành viên BKS	234.703.000	39.120.000	60.000.000	333.823.000
11	Nguyễn Thị Khánh Vân	Thành viên BKS	155.869.000	25.980.000	60.000.000	241.849.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>3.299.924.000</b>	<b>513.160.000</b>	<b>612.000.000</b>	<b>4.425.084.000</b>

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	5.419.223	35,91	5.445.023	36,08	Mua cổ phiếu tăng tỉ lệ sở hữu

**HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ:** không có

### ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Cần Thơ luôn đặt quản trị công ty lên hàng đầu và cam kết thực hiện theo đúng pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ, cũng như vận dụng các thông lệ quốc tế về quản trị công ty để đảm bảo hoạt động suôn sẻ và tạo lợi ích cho Công ty và cổ đông. Ngoài ra, Công ty cũng tiếp tục điều chỉnh và cập nhật nội dung Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo quy định pháp luật hiện hành và triển khai các hoạt động rà soát để nâng cao năng lực quản lý của Hội đồng quản trị.





# CHƯƠNG 06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 71 Ý kiến kiểm toán
- 73 Báo cáo tài chính được kiểm toán



## A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Ward 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kthv@a-c.com.vn  
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam Tel: +84 (024) 3796 7879 kthn@a-c.com.vn  
Branch in Nha Trang : Lot 17H Đ.Đ.Đ.Đ. St. No 11 Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kthvt@a-c.com.vn  
Branch in Can Tho : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Can Tho City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kthct@a-c.com.vn



Số: 4.0201/23/TC-AC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2023, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C  
Chi nhánh Cần Thơ



Nguyễn Hữu Danh  
Thành viên Ban Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 1242-2023-008-1  
Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2023



Phạm Thị Tố Như  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 3574-2021-008-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>811.393.423.202</b>	<b>587.724.545.885</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>16.377.180.552</b>	<b>14.184.964.712</b>
1. Tiền	111		16.377.180.552	14.184.964.712
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>88.500.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	88.500.000.000	40.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>242.863.224.837</b>	<b>273.687.837.608</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	237.944.358.506	272.265.608.604
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4a	2.031.417.200	9.410.150.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	2.887.449.131	5.433.199.280
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	-	(13.421.120.276)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>443.539.159.571</b>	<b>247.340.988.291</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	443.539.159.571	247.340.988.291
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20.113.858.242</b>	<b>12.510.755.274</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	6.509.252.255	1.519.633.534
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.604.605.987	10.991.121.740
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>202.156.439.937</b>	<b>193.188.410.262</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>14.023.553.755</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4b	-	14.023.553.755
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>81.264.751.620</b>	<b>74.466.414.056</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	61.193.605.796	53.463.218.380
- Nguyên giá	222		253.308.835.967	235.770.164.015
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(192.115.230.171)	(182.306.945.635)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	20.071.145.824	21.003.195.676
- Nguyên giá	228		26.915.740.855	26.915.740.855
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.844.595.031)	(5.912.545.179)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>113.931.490.810</b>	<b>98.958.916.548</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	113.931.490.810	98.958.916.548
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>6.960.197.507</b>	<b>5.739.525.903</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	6.960.197.507	5.739.525.903
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.013.549.863.139</b>	<b>780.912.956.147</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>761.902.567.397</b>	<b>549.136.060.036</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>761.902.567.397</b>	<b>540.929.916.886</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	179.324.124.074	109.346.434.131
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	116.884.413.366	96.614.914.982
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	13.364.441.242	4.440.989.136
4. Phải trả người lao động	314	V.15	23.286.200.578	15.340.770.929
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	10.731.353.788	14.709.309.313
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17a	34.661.013.326	31.115.964.673
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	377.529.300.000	267.584.037.525
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	6.121.721.023	1.777.496.197
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>8.206.143.150</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17b	-	8.206.143.150
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>251.647.295.742</b>	<b>231.776.896.111</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>251.647.295.742</b>	<b>231.776.896.111</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20a	150.923.260.000	150.923.260.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.923.260.000	150.923.260.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.20a	56.789.552.000	56.789.552.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.20a	(9.508.163.000)	(9.508.163.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20a	2.508.094.861	2.508.094.861
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.20a	11.310.673.465	9.572.983.535
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20a	39.623.878.416	21.491.168.715
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		2.263.544.915	21.491.168.715
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		37.360.333.501	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.013.549.863.139</b>	<b>780.912.956.147</b>

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Thị Tuyết Hồng  
Người lập

Nguyễn Khắc Chung  
Kế toán trưởng

Võ Đông Đức  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.325.161.024.887	957.305.229.218
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	10.468.080.460	10.618.006.200
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.314.692.944.427	946.687.223.018
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.045.535.903.608	756.597.985.475
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		269.157.040.819	190.089.237.543
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	22.793.338.599	4.834.384.336
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	29.466.644.284	22.582.103.744
Trong đó: chi phí lãi vay	23		18.551.242.987	20.245.711.844
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	172.333.922.946	134.565.691.078
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	33.049.055.890	15.542.265.920
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		57.100.756.298	22.233.561.137
11. Thu nhập khác	31	VI.8	4.187.717	4.545.455
12. Chi phí khác	32	VI.9	212.123.598	15.523.301
13. Lợi nhuận khác	40		(207.935.881)	(10.977.846)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.892.820.417	22.222.583.291
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	13.450.572.160	4.447.621.319
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		43.442.248.257	17.774.961.972
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.847	1.165
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	2.847	1.165

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.343.649.458.678	893.204.412.246
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.178.437.413.937)	(699.595.196.615)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(97.451.380.795)	(76.313.156.887)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	VI.5	(18.551.242.988)	(20.245.711.844)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.14	(4.934.603.258)	(2.187.630.560)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		60.231.479.063	71.172.238.339
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(114.989.073.516)	(106.640.009.102)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(10.482.776.753)</b>	<b>59.394.945.577</b>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(35.455.483.465)	(2.807.597.279)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		241.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	(48.500.000.000)	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.4	1.930.000.000	1.100.000.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(81.784.483.465)</b>	<b>(21.707.597.279)</b>

TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2023



Nguyễn Thị Tuyết Hồng  
Người lập

Nguyễn Khắc Chung  
Kế toán trưởng

Võ Đông Đức  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18a	1.076.850.549.623	718.669.557.879
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18a	(965.153.925.270)	(752.830.440.354)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.20d	(18.377.274.430)	(2.535.874.963)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>93.319.349.923</b>	<b>(36.696.757.438)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>1.052.089.705</b>	<b>990.590.860</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>14.184.964.712</b>	<b>12.874.000.628</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.140.126.135	320.373.224
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>16.377.180.552</b>	<b>14.184.964.712</b>



*[Signature]*  
Nguyễn Thị Tuyết Hồng  
Người lập

*[Signature]*  
Nguyễn Khắc Chung  
Kế toán trưởng

*[Signature]*  
Võ Đông Đức  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thủy sản xuất khẩu; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Cho thuê nhà xưởng, nhà kho; Gia công chế biến các mặt hàng thủy sản.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Cấu trúc Công ty***Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản đặt	Tổ 7, ấp Mái Dầm, xã Phú Thành, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Chi nhánh Thủy sản Đại Ngãi	Thửa đất số 1243, tờ bản đồ số 04, cồn nổi số 2, xã Song Phụng, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

**6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

**7. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 701 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 685 nhân viên).

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thường xuyên giao dịch là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thường xuyên giao dịch là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng sông Cửu Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định được ghi nhận theo thực tế phát sinh và được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 15
Tài sản cố định khác	04 - 08

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

##### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 13. Vốn chủ sở hữu

##### Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

##### Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng bán đã tiêu thụ từ năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại hoặc giảm giá thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại hoặc giảm giá hàng bán phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản trả lại hoặc giảm giá hàng bán phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

#### 17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**18. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

**19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ có thuế thu nhập hiện hành.

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	830.389.568	117.708.193
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.546.790.984	14.067.256.519
<b>Cộng</b>	<b>16.377.180.552</b>	<b>14.184.964.712</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

**Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	88.500.000.000	88.500.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>88.500.000.000</b>	<b>88.500.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>		
Sea International	-	29.163.848.716
NP - USA INC	175.471.957.574	127.830.830.400
GF Seafood Corp	-	20.483.906.940
Các khách hàng khác	62.472.400.932	94.787.022.548
<b>Cộng</b>	<b>237.944.358.506</b>	<b>272.265.608.604</b>

**4. Trả trước cho người bán****4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho các người bán khác</b>		
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhân Tâm	-	8.844.500.000
Công ty Cổ phần Thang máy Thiên Nam	710.160.000	-
Công ty TNHH Cơ điện lạnh Tuấn Ngọc	543.437.000	-
Công ty TNHH Tâm Chí Hòa	531.909.000	-
Các nhà cung cấp khác	245.911.200	565.650.000
<b>Cộng</b>	<b>2.031.417.200</b>	<b>9.410.150.000</b>

**4b. Trả trước cho người bán dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Trả trước cho các người bán khác</b>		
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đại Phát	-	14.023.553.755
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>14.023.553.755</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Ông Lê Tam Bình - Đầu tư cá nhân nguyên liệu	-	-	2.125.034.560	-
Bà Võ Thị Thủy Nga - Đầu tư cá nhân nguyên liệu	-	-	1.321.005.000	-
Ông Võ Hồng Phụng - đầu tư cá nhân nguyên liệu	294.150.000	-	-	-
Thuế TNDN tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng bất động sản	512.537.401	-	381.082.801	-
Tạm ứng	1.911.261.730	-	1.436.951.919	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	169.500.000	-	169.125.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.887.449.131</b>	<b>-</b>	<b>5.433.199.280</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.852.456.953	408.404.929
Chi phí thuê đất	516.159.420	-
Chi phí sửa chữa tài sản	2.959.799.974	286.149.608
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.180.835.908	825.078.997
<b>Cộng</b>	<b>6.509.252.255</b>	<b>1.519.633.534</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.109.049.639	2.307.273.059
Chi phí gia cố bờ ao	2.140.423.734	2.086.928.304
Chi phí sửa chữa tài sản	2.257.862.701	635.404.699
Chi phí trả trước dài hạn khác	452.861.433	709.919.841
<b>Cộng</b>	<b>6.960.197.507</b>	<b>5.739.525.903</b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách cuối năm là 28.418.233.918 VND (số đầu năm 31.194.851.622 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.18a).

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	26.848.170.860	67.569.995	26.915.740.855
<b>Số cuối năm</b>	<b>26.848.170.860</b>	<b>67.569.995</b>	<b>26.915.740.855</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	67.569.995	67.569.995
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	5.844.975.184	67.569.995	5.912.545.179
Khấu hao trong năm	932.049.852	-	932.049.852
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.777.025.036</b>	<b>67.569.995</b>	<b>6.844.595.031</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	21.003.195.676	-	21.003.195.676
<b>Số cuối năm</b>	<b>20.071.145.824</b>	<b>-</b>	<b>20.071.145.824</b>

Một số quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách cuối năm là 18.144.777.224 VND (số đầu năm 19.076.827.076 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.18a).

**6. Nợ quá hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức khác</i>				
Sea International	-	-	35.828.388.115	22.407.267.839
Các khách hàng khác	-	-	29.163.848.716	20.407.906.019
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>35.828.388.115</b>	<b>22.407.267.839</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.421.120.276	9.121.172.727
Trích lập dự phòng bổ sung	26.719.105.868	7.024.680.125
Xử lý xóa sổ	(40.140.226.144)	(2.724.732.576)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>13.421.120.276</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	17.185.273.150	-	10.260.347.139	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	217.059.623.615	-	190.482.969.469	-
Thành phẩm	209.294.262.806	-	46.597.671.683	-
<b>Cộng</b>	<b>443.539.159.571</b>	<b>-</b>	<b>247.340.988.291</b>	<b>-</b>

Toàn bộ thành phẩm tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 209.294.262.806 VND (số đầu năm là 46.597.671.683 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.18a).



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	1.600.000.000	-	(1.600.000.000)	-
Chuyển nhượng đất Trà Vinh	1.600.000.000	-	(1.600.000.000)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	97.358.916.548	16.759.789.262	(187.215.000)	113.931.490.810
Công trình xây dựng dự án Gia Phúc - Nhà ở xã hội	97.358.916.548	16.759.789.262	(187.215.000)	113.931.490.810
<b>Cộng</b>	<b>98.958.916.548</b>	<b>16.759.789.262</b>	<b>(1.787.215.000)</b>	<b>113.931.490.810</b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn****12a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty TNHH MTV Proconco Cần Thơ	62.322.024.329	24.535.819.936
Công ty Cổ phần Greenfeed Việt Nam	34.944.627.840	-
Võ Hồng Khanh	8.568.143.000	-
Trương Huỳnh Duy	9.227.089.500	-
Các nhà cung cấp khác	64.262.239.405	84.810.614.195
<b>Cộng</b>	<b>179.324.124.074</b>	<b>109.346.434.131</b>

**12b. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Nợ quá hạn của các nhà cung cấp khác</i>		
Các nhà cung cấp khác	115.336.565	115.336.565
<b>Cộng</b>	<b>115.336.565</b>	<b>115.336.565</b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Công ty Cổ phần Hải sản Trang Trại Xanh	56.400.000.000	-
Gulf Coast Sea Trade Corporation	-	1.007.348.778
W & T Seafood Corp.	-	1.223.795.615
Các khách hàng khác	60.484.413.366	94.383.770.589
<b>Cộng</b>	<b>116.884.413.366</b>	<b>96.614.914.982</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa tiêu thụ nội địa	Không chịu thuế, 5%, 10%
Dịch vụ	10%

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Từ ngày 01 tháng 02 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 1, Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	56.892.820.417	22.222.583.291
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	8.152.703.287	15.523.301
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	65.045.523.704	22.238.106.592
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	65.045.523.704	22.238.106.592
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>13.009.104.741</b>	<b>4.447.621.319</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>441.467.419</b>	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>13.450.572.160</b>	<b>4.447.621.319</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản**

Công ty phải tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 1% trên số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính. Công ty sẽ quyết toán lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho hoạt động này khi bán giao bất động sản.

**Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới đất dùng cho mục đích khác ở mức 5.000 VND/m<sup>3</sup> với thuế suất 8% và nước mặt dùng cho mục đích khác ở mức 5.000 VND/m<sup>3</sup> với thuế suất 3%.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**Tiền thuê đất**

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với các diện tích đất đang sử dụng với mức tiền thuê theo quy định trong từng hợp đồng thuê đất.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải trả người lao động.

**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoa hồng	3.627.260.090	6.380.483.726
Chi phí FSIS, lưu cont... nước ngoài	6.031.719.168	4.234.139.448
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.072.374.530	4.094.686.139
<b>Cộng</b>	<b>10.731.353.788</b>	<b>14.709.309.313</b>

**17. Phải trả khác****17a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Kinh phí công đoàn	1.256.069.976	1.195.281.360
Bảo hiểm xã hội	1.230.695.403	7.982.681.013
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.100.000.000	16.000.000.000
Phải trả tiền đặt cọc dự án nhà ở xã hội	6.746.022.670	1.591.169.350
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.193.279.753	2.535.874.963
Các khoản phải trả khác	4.134.945.524	1.810.957.987
<b>Cộng</b>	<b>34.661.013.326</b>	<b>31.115.964.673</b>

**17b. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>		
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược dài hạn	-	8.206.143.150
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>8.206.143.150</b>

**17c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**18. Vay****18a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng và tổ chức khác</b>		
Vay ngắn hạn ngân hàng	377.529.300.000	267.584.037.525
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long <sup>(6)</sup>	359.466.300.000	258.347.425.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ <sup>(6)</sup>	18.063.000.000	3.885.350.000
- Vay Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Ô Môn <sup>(6)</sup>	-	5.351.262.525
<b>Cộng</b>	<b>377.529.300.000</b>	<b>267.584.037.525</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

<sup>(6)</sup> Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Bằng Sông Cửu Long để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, ký L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.9 và V.10).

<sup>(6)</sup> Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến thủy sản với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.7 và V.10).

<sup>(6)</sup> Vay không có tài sản đảm bảo của Ngân hàng chính sách xã hội để trả lương ngừng việc tháng 8 năm 2021 và trả lương phục hồi sản xuất tháng 10 năm 2021 với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay 11 tháng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	267.584.037.525	301.744.920.000
Số tiền vay phát sinh	1.076.850.549.623	718.669.557.879
Số tiền vay đã trả	(965.153.925.270)	(752.830.440.354)
Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm	(1.751.361.878)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>377.529.300.000</b>	<b>267.584.037.525</b>

**18b. Vay quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

**19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.777.496.197	234.330.095
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	4.344.224.826	1.777.496.197
Chi quỹ trong năm	-	(234.330.095)
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.121.721.023</b>	<b>1.777.496.197</b>

**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Võ Đông Đức	54.450.230.000	54.192.230.000
Các cổ đông khác	96.473.030.000	96.731.030.000
<b>Cộng</b>	<b>150.923.260.000</b>	<b>150.923.260.000</b>

**20c. Cổ phiếu**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.092.326	15.092.326
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.092.326	15.092.326
- Cổ phiếu phổ thông	15.092.326	15.092.326
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (*)	1.358.309	1.358.309
- Cổ phiếu phổ thông	1.358.309	1.358.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.734.017	13.734.017
- Cổ phiếu phổ thông	13.734.017	13.734.017
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

(\*) Số lượng cổ phiếu được mua lại với giá 7.000 VND/cổ phiếu từ nguồn thặng dư vốn cổ phần.

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**20d. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm số 33/NQ/ĐHĐCD.2022 ngày 20 tháng 5 năm 2022 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong năm nay
• Chia cổ tức cho các cổ đông	19.227.623.800	-	19.227.623.800
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.777.496.197	1.777.496.197	-
• Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	710.998.479	710.998.479	-

Ngoài ra, Công ty cũng tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2022 theo Bảng phân phối lợi nhuận năm 2022 ngày 19 tháng 01 năm 2023 do Tổng Giám đốc duyệt như sau:

	Số tiền
• Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	: 1.587.375.352
• Trích quỹ quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 3.968.438.380

Đồng thời, trong năm Công ty đã chi trả cổ tức các năm trước cho cổ đông với số tiền 18.377.274.430 VND (số năm trước là 2.535.874.963 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****21a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	3.495.097.290	2.460.121.419
Trên 01 năm đến 05 năm	8.902.375.461	7.808.357.676
Trên 05 năm	29.558.781.452	32.394.772.847
<b>Cộng</b>	<b>41.956.254.203</b>	<b>42.663.251.942</b>

**21b. Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	389.515,09	410.012,14
Euro (EUR)	104,05	104,05

**21c. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Nguyên nhân xóa sổ
Blue is Inc	7.699.465.152	7.699.465.152	Không có khả năng thu hồi
Lotus Seafood	3.197.340.160	3.197.340.160	Không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Việt An	3.439.194.082	3.439.194.082	Không có khả năng thu hồi
AC Impot Inc	2.716.027.450	2.716.027.450	Không có khả năng thu hồi
Sea International	25.545.903.161	-	Không có khả năng thu hồi
Caseamex USA	6.664.539.399	-	Không có khả năng thu hồi
Khách hàng khác	7.929.783.584	-	Không có khả năng thu hồi
<b>Cộng</b>	<b>57.192.252.988</b>	<b>17.052.026.844</b>	

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	1.324.750.854.559	956.875.101.091
Doanh thu cho thuê	410.170.328	430.128.127
<b>Cộng</b>	<b>1.325.161.024.887</b>	<b>957.305.229.218</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	4.485.070.800	10.618.006.200
Giảm giá hàng bán	5.983.009.660	-
<b>Cộng</b>	<b>10.468.080.460</b>	<b>10.618.006.200</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.045.535.903.608	756.597.985.475
<b>Cộng</b>	<b>1.045.535.903.608</b>	<b>756.597.985.475</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.930.000.000	1.100.000.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	10.069.434	4.178.576
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	17.622.572.446	1.373.985.409
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	3.230.696.719	2.356.220.351
<b>Cộng</b>	<b>22.793.338.599</b>	<b>4.834.384.336</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	18.551.242.987	20.245.711.844
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.907.930.665	2.336.391.900
Chi phí tài chính khác	7.470.632	-
<b>Cộng</b>	<b>29.466.644.284</b>	<b>22.582.103.744</b>

**6. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.385.104.386	24.256.538.950
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.403.584.037	21.013.327.933
Chi phí hoa hồng	8.641.965.218	-
Chi phí cước tàu CNF	116.333.506.467	80.858.043.977
Các chi phí khác	2.569.762.838	8.437.780.218
<b>Cộng</b>	<b>172.333.922.946</b>	<b>134.565.691.078</b>

**7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	612.000.000	396.000.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	96.362.500	1.999.744.265
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	928.954.142
Thuế, phí và lệ phí	68.121.664	51.879.364
Dự phòng phải thu khó đòi	26.719.105.868	7.024.680.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.603.189.103	4.409.066.107
Các chi phí khác	950.276.755	731.941.917
<b>Cộng</b>	<b>33.049.055.890</b>	<b>15.542.265.920</b>

**8. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.187.717	4.545.455
<b>Cộng</b>	<b>4.187.717</b>	<b>4.545.455</b>

**9. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	212.123.598	15.523.301
<b>Cộng</b>	<b>212.123.598</b>	<b>15.523.301</b>

**10. Lãi trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	43.442.248.257	17.774.961.972
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(*)</sup>	(4.344.224.826)	(1.777.496.197)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	39.098.023.431	15.997.465.775
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	13.734.017	13.734.017
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.847</b>	<b>1.165</b>

<sup>(\*)</sup> Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm tính với mức trích 10% lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 theo Bảng phân phối lợi nhuận năm 2022 ngày 19 tháng 01 năm 2023 do Tổng Giám đốc duyệt.

**10b. Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.653.273.421.702	906.623.503.997
Chi phí nhân công	149.527.538.568	104.651.250.332
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.440.596.651	10.906.554.525
Chi phí dịch vụ mua ngoài	231.902.464.357	154.131.813.355
Chi phí khác	35.977.006.987	20.663.957.380
<b>Cộng</b>	<b>2.082.121.028.265</b>	<b>1.196.977.079.589</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên Ban kiểm soát*

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
<b>Năm nay</b>				
Ông Võ Đông Đức - Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	456.000.000	76.000.000	96.000.000	628.000.000
Ông Nguyễn Chí Thảo - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	360.000.000	60.000.000	120.000.000	540.000.000
Ông Nguyễn Thanh Giang - Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị	225.000.000	-	72.000.000	297.000.000
Bà Võ Thị Thúy Nga - Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị	378.800.000	63.760.000	72.000.000	514.560.000
Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc - Thành viên Hội đồng quản trị	290.325.000	48.400.000	72.000.000	410.725.000
Ông Lê Thành Đước - Phó Tổng Giám đốc	300.000.000	50.000.000	-	350.000.000
Ông Nguyễn Trí Tùng - Phó Tổng Giám đốc	300.000.000	50.000.000	-	350.000.000
Ông Phan Hoàng Duy - Phó Tổng Giám đốc	360.060.000	60.020.000	-	420.080.000
Ông Lý Quốc Tuấn - Trưởng Ban Kiểm soát	239.167.000	39.880.000	60.000.000	339.047.000
Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh - Thành viên Ban kiểm soát	234.703.000	39.120.000	60.000.000	333.823.000
Bà Nguyễn Thị Khánh Vân - Thành viên Ban kiểm soát	155.869.000	25.980.000	60.000.000	241.849.000
<b>Cộng</b>	<b>3.299.924.000</b>	<b>513.160.000</b>	<b>612.000.000</b>	<b>4.425.084.000</b>
<b>Năm trước</b>				
Ông Võ Đông Đức - Tổng Giám đốc kiêm Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	283.999.000	47.340.000	84.000.000	415.339.000
Ông Nguyễn Chí Thảo - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	250.120.000	41.700.000	60.000.000	351.820.000
Ông Nguyễn Thanh Giang - Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị	205.800.000	34.300.000	48.000.000	288.100.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Bà Võ Thị Thúy Nga - Phó Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng quản trị	282.071.000	47.020.000	48.000.000	377.091.000
Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc - Thành viên Hội đồng quản trị	219.307.000	36.560.000	48.000.000	303.867.000
Ông Lê Thành Đước - Phó Tổng Giám đốc	205.647.000	34.280.000	-	239.927.000
Ông Nguyễn Trí Tùng - Phó Tổng Giám đốc	238.304.000	39.720.000	-	278.024.000
Ông Phan Hoàng Duy - Phó Tổng Giám đốc	237.513.000	39.600.000	-	277.113.000
Ông Lý Quốc Tuấn - Trưởng Ban Kiểm soát	169.241.000	28.220.000	36.000.000	233.461.000
Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh - Thành viên Ban kiểm soát	170.035.000	28.340.000	36.000.000	234.375.000
Bà Nguyễn Thị Khánh Vân - Thành viên Ban kiểm soát	90.980.000	15.240.000	36.000.000	142.220.000
<b>Cộng</b>	<b>2.353.017.000</b>	<b>392.320.000</b>	<b>396.000.000</b>	<b>3.141.337.000</b>

**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

**3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động chế biến cá tra fillet đông lạnh. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là dịch vụ (doanh thu từ hoạt động khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu, khoảng 0,031%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

**3b. Thông tin về khu vực địa lý**

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	289.000.651.848	173.654.071.604
Nước ngoài	1.025.692.292.579	773.033.151.414
<b>Cộng</b>	<b>1.314.692.944.427</b>	<b>946.687.223.018</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, TP. Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

  
Nguyễn Thị Tuyết Hồng  
Người lập

  
Nguyễn Khắc Chung  
Kế toán trưởng

  
Võ Đông Đức  
Tổng Giám đốc



TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2023

WVA 吳志全 2023/03/30 WVA 吳志全 2023/03/30

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình


	Đơn vị tính: VND			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác
<b>Nguyên giá</b>				<b>Cộng</b>
Số đầu năm	106.529.040.381	116.327.883.865	9.184.701.644	3.728.538.125
Mua trong năm	1.232.789.562	13.384.479.845	4.009.568.000	18.626.837.407
Thanh lý, nhượng bán	-	(118.420.000)	(969.745.455)	(1.088.165.455)
<b>Số cuối năm</b>	<b>107.761.829.943</b>	<b>129.593.943.710</b>	<b>12.224.524.189</b>	<b>253.308.835.967</b>
<b>Trong đó:</b>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	24.963.106.921	66.071.096.356	4.305.577.266	3.395.869.942
Chờ thanh lý	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	74.570.894.082	98.058.629.068	6.174.162.783	3.503.259.702
Khấu hao trong năm	6.291.370.145	3.661.475.806	509.967.216	45.733.632
Thanh lý, nhượng bán	-	(118.420.000)	(581.842.263)	(700.262.263)
<b>Số cuối năm</b>	<b>80.862.264.227</b>	<b>101.601.684.874</b>	<b>6.102.287.736</b>	<b>3.548.993.334</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	31.958.146.299	18.269.254.797	3.010.538.861	225.278.423
<b>Số cuối năm</b>	<b>26.899.565.716</b>	<b>27.992.258.836</b>	<b>6.122.236.453</b>	<b>179.544.791</b>
<b>Trong đó:</b>				
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-



TP. Cần Thơ, ngày 30 tháng 3 năm 2023

  
Nguyễn Khắc Chung  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Tuyết Hồng  
Người lập

  
Võ Đông Đức  
Tổng Giám đốc

  
Nguyễn Khắc Chung  
Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 02: Chi tiết về thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.734.943.382	13.450.572.160	(4.651.842.810)	12.533.672.732
Thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp cho số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	282.760.448	131.454.600	(282.760.448)	131.454.600
Thuế thu nhập cá nhân	418.749.306	3.066.121.082	(2.809.175.278)	675.695.110
Thuế tài nguyên	4.536.000	50.569.080	(31.486.280)	23.618.800
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>4.440.989.136</b>	<b>16.703.716.922</b>	<b>(7.780.264.816)</b>	<b>13.364.441.242</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ, ngày 30 tháng 3 năm 2023



*[Handwritten Signature]*  
**Nguyễn Thị Tuyết Hồng**  
 Người lập

*[Handwritten Signature]*  
**Nguyễn Khắc Chung**  
 Kế toán trưởng

*[Handwritten Signature]*  
**Võ Đông Đức**  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

Địa chỉ: Lô 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Có phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.923.260.000	56.789.552.000	(9.508.163.000)	2.508.094.861	8.861.985.056	6.204.701.418	215.779.430.335
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	17.774.961.972	17.774.961.972
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	710.998.479	(2.488.494.675)	(1.777.496.196)
Số dư cuối năm trước	150.923.260.000	56.789.552.000	(9.508.163.000)	2.508.094.861	9.572.983.535	21.491.168.715	231.776.896.111
Số dư đầu năm nay	150.923.260.000	56.789.552.000	(9.508.163.000)	2.508.094.861	9.572.983.535	21.491.168.715	231.776.896.111
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	43.442.248.257	43.442.248.257
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	1.737.689.930	(6.081.914.756)	(4.344.224.826)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	(19.227.623.800)	(19.227.623.800)
Số dư cuối năm nay	150.923.260.000	56.789.552.000	(9.508.163.000)	2.508.094.861	11.310.673.465	39.623.878.416	251.647.295.742

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ (CASEAMEX) P. Ô MÔN, TP. CẦN THƠ, ngày 30 tháng 3 năm 2023



*[Handwritten Signature]*  
**Nguyễn Thị Tuyết Hồng**  
 Người lập

*[Handwritten Signature]*  
**Nguyễn Khắc Chung**  
 Kế toán trưởng

*[Handwritten Signature]*  
**Võ Đông Đức**  
 Tổng Giám đốc





**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ**

TP. Cần Thơ, ngày 19 tháng 04 năm 2023

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Võ Đông Đức*

